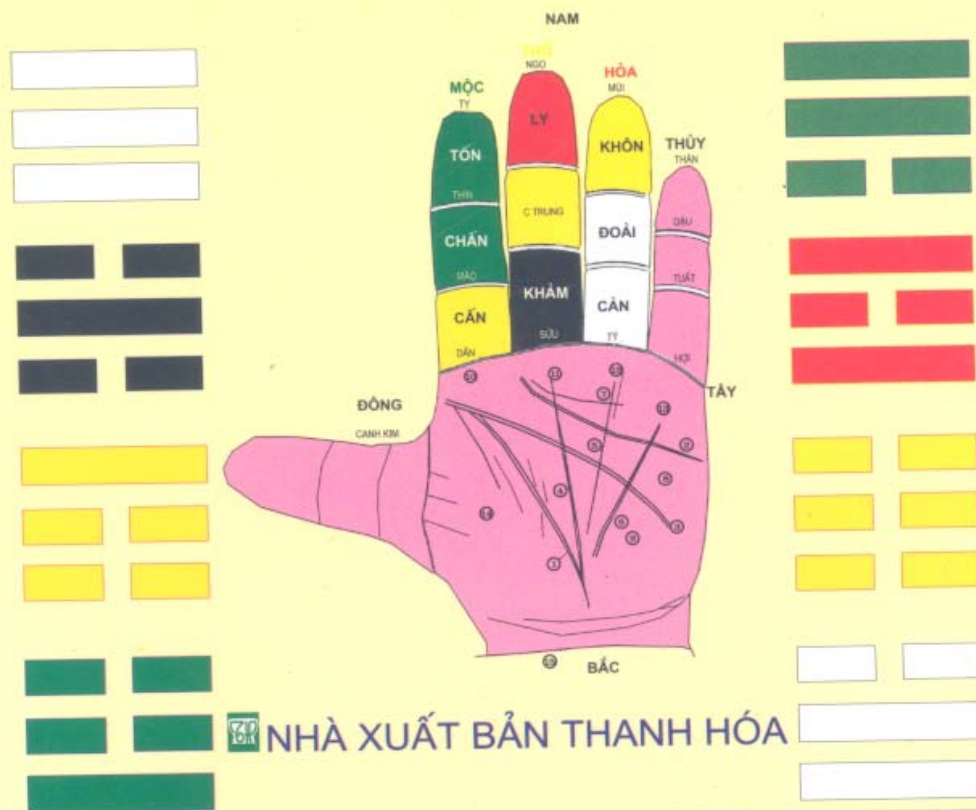


TRẦN KHANG NINH

ĐỘN TOÁN

THẦN DIỆU

Hiệu đính: Thạc sĩ triết học Nguyễn Văn Chinh



TRẦN KHANG NINH

ĐỘN TOÁN THẦN DIỆU

Hiệu đính:

Thạc sĩ Triết học Nguyễn Văn Chính

Sachvui.Com

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

LỜI TỰA

Ý thức được sự vận động của bản thân mình trong không gian, loài người đã hình thành nên khái niệm thời gian. Từ sự hình thành khái niệm thời gian, nhân loại đã làm ra công cụ để đo thời gian là lịch. Quá trình làm ra lịch, cả người phương Tây và người phương Đông đều thấy được sự tác động và chi phối của vũ trụ - không gian qua thời gian tới mỗi người, mỗi khu vực địa lý, tới đời sống sản xuất xã hội... Điều này có thể thấy rõ nét nhất là sự thay đổi và tác động của tiết khí trong năm đối với sản xuất, mùa màng và sự phát triển của con người.

Thời gian là một yếu tố không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của cá nhân và xã hội. Thời gian là phương tiện để dựng lại và ghi chép quá khứ, dùng trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội, trong sinh hoạt văn hoá và giao tiếp xã hội không chỉ hiện tại mà trong dự báo tương lai. Do vậy, nhận thức về thời gian là một trong những tri thức sớm nhất của loài người và không ngừng được bổ sung, hoàn thiện.

Một khía cạnh độc đáo có tính đặc trưng nhất của thời gian, là sự tác động của nó đối với cuộc sống và hành động của từng người.

Cho đến nay, sự tác động trên nhiều phương diện của thời gian được các nhà khoa học phát hiện ra. Những khám phá này được giới nghiên cứu gọi là “nhịp sinh học”, đó là một trạng thái tinh thần, sức khỏe của từng người có quan hệ mật thiết với sự thay đổi thời gian theo ngày, tháng, theo tuần và theo năm. Chẳng hạn, qua những nghiên cứu đặc biệt của mình, nhà nội tiết học Đan Mạch Hamburger đã cho biết, trong cơ thể mỗi người, mức nội tiết vỏ thượng thận là những chất điều chỉnh quan trọng nhất của nhiều quá trình trong cơ thể, luôn luôn thay đổi theo nhịp tuần lễ (7 ngày) một cách nghiêm ngặt. Con số 7 ngày trùng hợp với một tuần lễ, được nhân loại coi như một đơn vị thời gian mà các nhà nghiên cứu thường gọi là “con số 7 kỳ lạ” có nhiều điều bí ẩn. Hiện tượng kỳ lạ này được các nhà nghiên cứu làm như sau: chọn nhiều lần nhiều nhóm người và đề nghị họ gọi tên một con số bất kỳ từ 0 đến 9, kết quả phần lớn các trường hợp ấy, người ta đều chọn và gọi số 7. Gắn liền với con số 7, người ta còn đưa ra nhiều điều huyền hoặc, song thực tế lại phức tạp hơn nhiều khi bác

lại những điều dị đoan về con số đó. Chẳng hạn, bằng thực nghiệm, các nhà khoa học đã xác lập được rằng, giới hạn khả năng con người, xử lý được thông tin thường chỉ bó hẹp trong sự ghi nhớ 7 từ, hoặc 7 loại đồ vật hoặc 7 ký hiệu cần phải tái hiện nhớ lại từ một bản liệt kê dài những tín hiệu thông tin mà họ tiếp xúc.

Những hiện tượng xã hội dường như cũng gắn liền với dịp thời gian của một chu trình 7 ngày (tuần lễ). Theo một số nghiên cứu cách đã lâu, ở Anh và xứ Uên, từ 1970-1976 và trong các năm của thập kỷ 80 thế kỷ XX, vào những ngày thứ Bảy và Chủ nhật thì số lần sinh đẻ ít hơn so với những ngày khác trong tuần lễ.

Nhịp điệu thời gian theo nhịp 7 ngày tác động tới vạn vật, con người ... cho đến nay còn bí ẩn, và điều đó đã thúc đẩy các nhà nghiên cứu còn tiến hành những nghiên cứu mới. Người ta còn thấy nhịp thời gian còn mang tính xã hội.

Chẳng hạn, nhịp thời gian trong tuần của các xí nghiệp công nghiệp tác động đến người làm việc như sau: thứ hai năng suất lao động tương đối thấp, thứ ba, thứ tư, thứ năm thì năng suất có tăng lên, thứ sáu và thứ bảy lại giảm. Đối với sự học tập của học sinh sinh viên cũng theo quy luật này.

Theo Dịch Lý Phương Đông, nam giới cứ sau 7 năm (7 tuổi ta, 6 tuổi lịch Dương) và nữ giới sau 9 năm có sự thay đổi toàn diện cơ thể. Đối với nam giới 7 lần thay đổi tức $7 \times 7 = 49$ tuổi là lần thay đổi lớn nhất trong cuộc đời, nên năm này người ta hết sức giữ gìn.

Ảnh hưởng của hoạt động mặt trời qua mỗi ngày đối với hoạt động của con người, cũng được các nhà khoa học quan tâm.

Ngay từ năm 1934, hai nhà khoa học Mỹ là anh em ruột Dull đã ghi nhận được chu kỳ 27 ngày của tỷ lệ tử vong có liên quan đến cường độ hoạt động của mặt trời. Năm 1937, họ cho biết đường cong tỷ lệ tử vong ở các thành phố lớn của châu Âu biến đổi đồng bộ khớp với hoạt động mạnh ở mức cao nhất của mặt trời. Năm 1964, tại Budapet thủ đô Hungari, những vụ tử tử do tổ chức cấp cứu ghi nhận được, rất khớp với những biến đổi tình trạng điện tích của không khí theo nhịp 27 ngày dao động hoạt tính của mặt trời. Cũng tại nước này, từ năm 1963-1964 những bão táp địa từ do mặt trời gây nên, đã làm tai nạn giao thông trên đường tăng lên 101%. ở các hầm mỏ than vùng Rura của nước Đức, sự cố xảy ra nhiều nhất vào những ngày có hoạt tính mặt trời tăng. Như vậy, cường độ hoạt động của mặt trời qua các ngày là nguyên nhân gây ra các tai nạn và các

vụ tự tử. Khi trên mặt trời có những vết sáng tạo ra trong khí quyển, các nhà nghiên cứu thấy hành vi ứng xử của con người chậm đi, thường mất bình tĩnh, cùng lúc xuất hiện những hành động sai trái dễ gây ra bạo lực và xung đột.

Như vậy, dường như có những ảnh hưởng của vũ trụ, của mặt trăng, mặt trời đến hành vi của con người, mặt khác cũng không thể phủ nhận sự tác động các vì tinh tú tới mọi sinh vật trên trái đất, trong đó có con người qua các ngày, tháng, năm.

Sự ảnh hưởng của mặt trời qua các ngày tác động đến con người, được nhà khoa học Liên Xô cũ nổi tiếng A.L Trigiexki (1897-1964) nghiên cứu rất chi tiết. Ông cho rằng, mọi sự phát triển của sinh vật, trong đó có con người đã diễn ra dưới tác động của vũ trụ, mà rõ nét nhất là mặt trời. Chu kỳ hoạt động của mặt trời có liên quan đến hàng loạt những hiện tượng trên trái đất như: bệnh dịch ở thực vật, động vật, các nạn dịch lớn ở người... Theo nhà khoa học này, các trung tâm hoạt tính của mặt trời có thể tồn tại lâu tới vài tháng, khi mặt trời quay, các trung tâm hoạt tính này cứ 27 ngày đêm, lại qua kinh tuyến trung tâm của bán cầu hướng về trái đất. Các hiện tượng này thành chu trình

là: 5-6 năm, 11-12 năm và có khi hàng thế kỷ. Trong vòng ảnh hưởng các chu kỳ hoạt tính mặt trời trên, nhiều biến cố đã xảy ra trên trái đất. Chẳng hạn các nhà khoa học ở thành phố Tomxơ của nước Nga đã tiến hành thống kê nghiên cứu những vụ trục trặc kỹ thuật của xe hơi, đã phát hiện các trường hợp tai nạn giao thông trong 7 năm (1958 - 1964) đều thấy vào các ngày đầu và sau những chớp sáng trên mặt trời. ở những ngày như thế, số lượng tai nạn giao thông tăng lên gấp 4 lần so với ngày yên tĩnh, tức không có chớp sáng. Nếu theo quan điểm này, sẽ có ngày hung họa, mặt trời thường ngày của nhân loại đáng quý có lúc trở thành "hung thân". Các nhà khoa học phương tây còn cho rằng, ở mỗi người căn cứ vào ngày sinh của họ tính đi đều có nhịp sinh học theo thời gian ngày, được chia thành 3 chu kỳ song hành là: chu kỳ thể lực 23 ngày liên tiếp, chu kỳ xúc cảm 28 ngày liên tiếp, chu kỳ trí tuệ 33 ngày liên tiếp. Trong mỗi chu kỳ, những ngày đầu của chu kỳ có lợi cho một người, nửa sau là bất lợi. ở nửa sau mỗi chu kỳ, người ta đưa ra *những ngày nguy hiểm*. Ngày nguy hiểm với mức độ càng cao, khi ở mỗi người nhịp vận động của 3 đường giao động trùng nhau. ở những ngày này, những sự cố nguy hiểm dễ xảy ra nhất.

Chẳng hạn, năm 1961, tổng thống Mỹ Giôn Kennơđi đến thăm Canada, ngày 16 tháng 5, ông ta rất khó nhọc mới thực hiện nổi trách nhiệm, danh dự là: trồng một cây lưu niệm trong một buổi lễ long trọng, lúc đó cột sống của ông đã bị tổn thương từ lâu, bỗng phát bệnh. Ngày hôm đó lại là ngày nguy hiểm đến xúc cảm của ông. Một người Mỹ khác, tổng thống mỹ Đuoi Aixenhao cũng có lúc sự khó chịu trong mình lại trùng với ngày nguy hiểm. Đó là ngày 26 tháng 11 năm 1957, ông bị cơn đau tim nặng, cũng là ngày nguy hiểm cho xúc cảm của ông và chu kỳ trí tuệ rơi vào thời điểm thấp nhất.

Đối với các nhà du hành vũ trụ, sức khỏe là tiêu chuẩn hàng đầu, song không phải lúc nào họ cũng khỏe và tỉnh táo. Đó là trường hợp của nhà du hành vũ trụ Mỹ Gritxon: Ngày 21 tháng 7 năm 1961 đã xuyết chết. Không hiểu vì sao, khi trở về trái đất, lúc môđul hạ cánh xuống biển, nắp cửa bỗng bật mở ra tức thì, nước tràn vào. Cái khoang trị giá 5triệu đô la coi như chìm mất, điều đáng tiếc hơn các số liệu thu được qua chuyến bay vũ trụ cũng mất tằm xuống đáy đại dương. Cũng còn may, nhà du hành thoát nạn. Qua theo dõi của các nhân viên y tế, hôm hạ cánh đó, Gritxon ở vào tình trạng cận ngày nguy

hiểm của chu kỳ thể lực và xúc cảm, còn chu kỳ trí tuệ ở thời điểm thấp nhất, nên thiếu tỉnh táo điều khiển môđul.

Tại Nhật Bản, ở hãng xe lửa OMI (OMI Raylway Company) có chương trình báo trước cho lái tàu về những ngày nguy hiểm của họ. Những ai được báo hôm đó phải nghỉ việc nhưng vẫn hưởng lương. Để làm việc này, cả một hệ thống máy tính của hãng đã tính toán cập nhật các số liệu cần thiết cho 500 lái xe. Mỗi lái xe của hãng thường xuyên nhận một phiếu do máy tính lập ra, trong đó nhắc nhở mọi người đặc biệt thận trọng trong những ngày nguy hiểm. Kết quả là kể từ khi áp dụng hình thức này (bắt đầu từ 1969) số tai nạn trên đường không ngừng giảm đi. Sự kiện này làm cho nhiều người tin rằng có các ngày nguy hiểm.

Các nhà nghiên cứu cũng thấy sự biến đổi nhịp sinh học của con người theo mùa, điều mà các nhà lịch pháp gọi là theo tiết khí. Chẳng hạn nhà khoa học sinh lý học người Pháp Râynbec, qua khảo sát cho biết: mùa thu là mùa tối ưu với con người, nam giới về mùa thu đạt tới mức cao nhất hoạt tính sinh dục, còn nữ giới các cô gái trẻ thấy kinh nguyệt lần đầu. Do vậy, Râynbec cho rằng mùa thu là mùa thụ thai tốt nhất và thời gian này còn kéo dài cho

tới đầu mùa đông. Theo ý tưởng này, giáo sư Xmôlenxki người Mỹ tại trường đại học tổng hợp bang Texas đã đưa ra giả thuyết: trẻ em được thụ thai vào cuối hè và trong mùa thu có sức sống mạnh hơn so với trẻ em vào các thời gian khác.

Cái chết của con người là lẽ tự nhiên, là ngẫu nhiên, song cái ngẫu nhiên này cũng có tính quy luật gắn với thời gian. Nhà nghiên cứu nhịp sinh học người Mỹ Hanbec, khi nghiên cứu nhịp tử vong ở 47 bang nước Mỹ, đã phát hiện nhịp đó mà đỉnh điểm cực đại tỉ lệ tử vong ở vào thời gian từ cuối tháng 12 đến cuối tháng 2. Như vậy, vào mùa rét số người “ra đi” nhiều hơn so với mùa khác.

Từ những thí dụ trên, qui luật thời gian tác động lên con người đã rõ ràng: hoạt tính sinh lý mạnh nhất của con người được ghi nhận vào những tháng hè, còn thấp nhất về mùa đông. Về điều này, trùng hợp với ý tưởng của các nhà dịch lý Trung Hoa cổ xưa, khi họ nói: “Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu thụ, Đông tàng”. Nghĩa là : mùa Xuân là thời gian sinh sôi, mùa Hè vạn vật phát triển, mùa Thu cương kiện, và mùa Đông ẩn tàng, yếu.

Vào những năm cuối thế kỷ XX, các nhà khoa học còn đi xa hơn nữa, nghiên cứu sự tác động của vũ trụ qua thời gian tới dự báo những

tai họa trên trái đất. Qua nhiều năm nghiên cứu và khảo sát, giáo sư, viện sĩ Alexander Nazarievich hiện đang làm việc tại Viện Hàn lâm Quốc gia thiết bị Hàng không Vũ trụ Nga đi đến kết luận: nhiều thảm họa thiên nhiên như động đất núi lửa, sóng thần và ngay cả sự cố kỹ thuật như: máy bay rơi nổ, sập hầm lò, sự cố lò phản ứng hạt nhân... có liên quan đến những quy luật của tự nhiên. Thậm chí các nạn dịch lớn cũng thuộc quy luật này. Lẽ đương nhiên, những tai họa đó được báo và thể hiện qua thời gian. Vấn đề khoa học dự báo cần đoán trước vào lúc nào, thời gian nào sẽ xảy ra, để tránh những thiệt hại về người và của cho nhân loại.

Viện sĩ A. Nazarievich cho rằng trái đất tồn tại trong một không gian đặc biệt, hàm chứa một trường năng lượng đặc biệt, luôn luôn tác động đến mọi sự vật và cả con người. Dĩ nhiên, những năng lượng này tồn tại dưới dạng vô hình và không trọng lực, nghĩa là khó có thể định tính chất và đo được. Những năng lượng này tạo ra sự *cộng hưởng địa vật lý cục bộ*, khi quá trình cộng hưởng này đạt tới thời gian đỉnh điểm thì thảm họa sẽ xảy ra theo đúng quy luật chuyển hoá từ lượng thành chất. Ví dụ như: thủy triều là biểu hiện của quan hệ tương tác giữa mặt trăng và trái đất, nhưng triều

cường và sóng thần gây nổi kinh hoàng cho nhân loại từ xưa tới nay, là biểu hiện quá trình tương tác ở mức độ cao nhất.

Từ những lý giải trên, Viện sĩ A. Nazarievich đã cho biết, hoàn toàn có thể lý giải và dự báo các tai hoạ nếu tính toán trước được thời điểm xảy ra sự cộng hưởng nói trên, điều đó sẽ có lợi nhiều mặt cho nhân loại. Không phải vô cớ mà các nhà dịch học phương Đông qua dịch lý, từ ngàn xưa đã đưa ra khái niệm và cách tính ngày lành, ngày hung, tháng tốt, tìm các thời điểm đại cát (cực tốt) và đại hung (cực xấu).

Dĩ nhiên trong thực tế, không phải dễ dàng tính toán chính xác các thời điểm địa vật lý cục bộ ảnh hưởng mạnh đến quá trình tự nhiên, đến kỹ thuật và con người. Song có điều ghi nhận, từ khi công nghệ thông tin phát triển, qua máy tính và các chương trình tin học cực mạnh, người ta đã phân tích và lý giải chính xác các thảm hoạ trong quá khứ và dự đoán một cách chính xác một số thời điểm trong tương lai, như đã cho biết thời điểm những trận động đất lớn ở Nhật Bản, Armenia, Trung Quốc, Mỹ... những trận động đất này đã diễn ra theo đúng qui luật của sự cộng hưởng địa vật lý cục bộ ở cường độ cao nhất.

Tính toán được sự cộng hưởng địa vật lý cục bộ, còn có thể dự báo được các tai họa kỹ thuật, vì sự cộng hưởng này tác động đến cả các quá trình vận động của vật chất ở tầm vi mô như: tinh thể, hạt nhân, phân tử, tế bào, giien của động vật và người ... Các nhà khoa học cho thấy, sự cộng hưởng địa vật lý cục bộ ở cường độ mạnh đã làm nguyên nhân dẫn tới cái chết hàng loạt cho loài sao biển ở biển Bạch Hải (Nga) vào tháng 5/1990; cho cá chích ở châu úc vào đầu năm 1995...; sự tăng cường hoạt động của vi khuẩn Ebola ở Zaire (Châu Phi) vào tháng 3 năm 1995, và lại đúng vào tháng 3 năm 2003 là dịch bệnh viêm phổi cấp tính (Sars) dẫn đến cái chết rất nhanh, đầu tiên là: Trung Quốc, Hồng Kông sau đó đến Việt Nam, Canada, Mỹ, Nga,... và nhiều nước khác trên thế giới.

Các nhà nghiên cứu còn cho rằng: đa số các vụ tai nạn hàng không thảm khốc đều xảy ra vào thời điểm sự cộng hưởng địa vật lý cục bộ ở mức độ cao. Về điều này, trước đây người ta không thể lý giải nổi loại tai nạn hàng không được mệnh danh là “cái chết bất ngờ”, nghĩa là: mọi máy móc đều hoạt động bình thường, phi công thực hiện chuẩn xác quy trình kỹ thuật nhưng máy bay cứ “một mực” lao đầu xuống đất, xuống biển hoặc lao đầu vào núi! Đó

là trường hợp của chiếc máy bay chở khách hiện đại A 310 của Pháp ngày 22-3-1994 ở gần Kuznhest (Nga), hoặc vụ máy bay tiêm kích phản lực hiện đại của liên xô cũ SU - 27, do phi công nổi tiếng đầy kinh nghiệm Rimas Stankiavich điều khiển “cứ rơi tự do” và nổ tung ở Italya vào ngày 9/9/1990

Lịch sử hàng không hiện đại còn mãi ghi nhớ ngày 3/6/1973, tại hội chợ hàng không quốc tế Le Bougrget nước Pháp, chiếc máy bay chở khách siêu thanh hiện đại đầu tiên của Liên Xô cũ TU-144 đang bay biểu diễn bỗng dưng rơi tan tành. Từ đó về sau, người ta vẫn không tìm ra nguyên nhân của vụ tai nạn này. Nhưng gần đây các nhà nghiên cứu đã tính toán được vào thời điểm đó, tại Le Bougrget có sự cộng hưởng địa vật lý cục bộ đạt tới đỉnh điểm cao. Từ sự kiện này, các nhà nghiên cứu hàng không đã lật lại hồ sơ vụ rơi máy bay đầy bí hiểm ngày 27/3/1968, do người đầu tiên bay vào vũ trụ, là anh hùng phi công vũ trụ nổi tiếng thế giới Yu Gagarin của Liên xô cũ điều khiển. Gần suốt hơn 30 năm qua bức màn bí ẩn vẫn bao trùm tai nạn này. Nhưng gần đây, qua máy tính đã phân tích các dữ kiện cho thấy, tại địa điểm xảy ra tai nạn lúc đó sự cộng hưởng địa vật lý cục bộ đạt tới độ cực mạnh.

Từ những vấn đề nêu trên, qua khảo sát và nghiên cứu của khoa học hiện đại, chúng ta có thể đi tới kết luận rằng: có sự tác động của các yếu tố vũ trụ như: mặt trăng, mặt trời, các vì tinh tú, qua thời gian là : ngày, chu kỳ, giờ... tới con người. ở những vị trí thời gian này,các sinh thể trên trái đất, trong đó có con người, có những sự biến động bình thường và khác thường. Nắm bắt được những sự tác động này của thời gian, mỗi người tự điều chỉnh bản thân sao cho cuộc sống ổn định và phát triển.

Trên đây là tư tưởng của các nhà khoa học phương Tây, vậy các nhà tư tưởng phương Đông quan niệm như thế nào?

Các nhà tư tưởng phương Đông mà đại diện là các nhà Dịch học, cách nay hàng nghìn năm đã khảo sát và nghiên cứu sự tác động của không gian hệ mặt trời qua từng ngày, tháng, năm, mùa và giờ (thời) tới cuộc sống của vạn vật, của từng người trên trái đất. Khác với các nhà khoa học phương Tây, hướng nghiên cứu của họ qua khoa học phân tích và khảo sát các sự kiện đặc trưng để đi đến chân lý, các nhà mệnh lý xưa lại đi khảo sát tổng hợp tính chất của không gian, của thế giới bao choán con người, coi con người là một trong ba yếu tố căn bản của vũ trụ, đó là không gian THIÊN ĐỊA

NHÂN. Các mệnh lý xưa đưa ra hai quy chuẩn cho hoạt động sống của sinh giới trong đó có con người là: chuẩn cân bằng và chuẩn mất cân bằng. Nghĩa là sự cân bằng giữa nhân với thiên với địa sẽ tạo ra cuộc sống bình ổn, phát triển. Trong trường hợp mất cân bằng thì ngược lại.

Vậy khi nào một người có sự cân bằng với tự nhiên?

Theo các nhà mệnh lý xưa, một người muốn có sự cân bằng với tự nhiên có hai cách: chọn nơi ở và xây nhà hợp với mệnh (tuổi) của mình. Sự hợp này sẽ tạo ra sự đồng nhất thể giữa người ở với từ trường trái đất, khi đó con người có sức khỏe và hoạt động sống bình thường. Từ nhận thức này mà có môn Phong thủy học.

Cách thứ hai là, mỗi người trước khi hành động hay làm một việc gì đó, cần chọn thời điểm thích hợp cho việc. Sự thích hợp này phải tương đồng với sự tác động của Mặt trời, Mặt trăng, các vì tinh tú đang ngày đêm không ngừng nghỉ chiếu xuống Trái đất. Từ nhận thức theo hướng thứ hai này mà hình thành nên các hệ dự đoán phương Đông cổ xưa, như Bốc phệ, Tử Bình, Bát tự Hà lạc, Độn Quỷ Cốc, Bát môn tiêu độn...

Vậy tiêu chí nào xác định là chuẩn cân bằng hay mất cân bằng giữa cá nhân với

thiên với địa? Về điều này, cuốn sách: ***Độn toán thần diệu*** sẽ đề cập chi tiết sau đây. Qua nội dung cuốn sách, phản ánh những nét tương đồng căn bản giữa tư tưởng phương Tây hiện đại và tư tưởng Dịch lý Á Đông cổ xưa về sự tác động của các yếu tố vũ trụ qua các cấp độ thời gian tới loài người, tới từng người.

Tác giả

Hà Nội. Năm Đinh Hợi. 2007.

ĐỘN TOÁN THẦN DIỆU

I. PHƯƠNG PHÁP ĐỘN TOÁN CHỌN NGÀY THEO LỤC DIỆU

Là một phương pháp chọn ngày nhanh dựa trên cơ sở số 6 (lục) là *số thành* đầu tiên của dãy *số thành* (6,7,8,9,10) từ 5 số sinh là: 1,2,3,4,5 trong Hà Đồ, một phương tiện để xác định vị trí trong không gian của Dịch Học. Số 6 dùng để chỉ 6 "thần ngày", trong đó có 2 thần ngày tốt là: Đại An, Tiểu Cát; hai thần ngày trung bình vừa tốt, vừa chưa tốt lắm là: Tóc hỷ, Xích khẩu và hai thần ngày xấu là Lưu liên và Không vong. Sáu ngày nay gọi là *Lục diệu an* (định) cho *các ngày trong từng tháng*. Phương pháp này gọi là Độn Lục Nhâm đơn giản để tìm ngày tốt xấu, xuất hiện từ đời Bắc Tống (0960-1127) Trung Hoa.

Phương pháp Độn Lục Nhâm như sau:

1. Lập địa bàn

Tháng 2 - 8 Lưu Liên Ty	Tháng 3 - 9 Tốc hỷ Ngọ	Tháng 4 - 10 Xích khẩu Mùi	Thân
Thìn			Dậu
Mão			Tuất
Tháng Giêng - 7 Đại an Dần	Tháng 6 - 12 Không vong Sửu	Tháng 5 - 11 Tiểu cát Tý	Hợi

Trên Địa bàn, chỉ sử dụng các cung ứng với từng toạ độ ngày, tháng (ô): **Dần, Ty, Ngọ, Mùi, Tý, Sửu**. Các tháng an trên các cung như sau:

Cung Dần: tháng Giêng, tháng Bảy

Cung Ty: tháng Hai, tháng Tám.

Cung Ngọ: tháng Ba, tháng Chín

Cung Mùi: tháng Tư, tháng Mười.

Cung Tý: tháng Năm, tháng Một.

Cung Sửu: tháng Sáu, tháng Chạp.

Lưu ý: các cung: *Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Mão, Thìn* trên địa bàn không được sử dụng để tính, coi như bỏ không.

2. Tìm ngày trên Địa bàn

Khi tìm ngày, tìm giờ (hoặc dự báo) phải xác định ngày đó thuộc tháng nào. Khi xác định được tháng ở cung nào, khởi ngày mồng một tại cung đó, sau đó đi theo chiều thuận kim đồng hồ tìm ngày cần tìm ở cung nào, từ cung này mà *khởi giờ Tý* tính đi đến giờ cần tìm (hoặc giờ dự báo) để biết được tính chất của ngày, giờ cần xem. *Khi tính chỉ dùng các ô: Tý, Sửu, Dần, Ty, Ngọ, Mùi, các ô khác bỏ.*

Ví dụ1: Tháng Năm, ngày 12, giờ Thìn, xác định xem thời điểm ngày hôm đó thế nào?

Theo cách tính trên, trên Địa bàn, tháng Năm ở cung Tý, từ cung Tý khởi ngày mồng một, mồng 2 cung Sửu, mồng 3 cung Dần, mồng 4 cung Ty, mồng 5 cung Ngọ, mồng 6 cung Mùi, mồng 7 cung Tý, mồng 8 cung Sửu, mồng 9 cung Dần, mồng 10 cung Ty, ngày 11 cung Ngọ..., đến ngày 12 nằm ở cung Mùi, như vậy ngày 12 tháng 5 là ngày Xích khẩu.

Ngày Xích khẩu: ngày này không xấu lắm, nhưng phải đề phòng mọi việc, như: đề phòng mất của, cẩn thận trong ứng xử trong gia đình, nếu không dễ gây lục đục; có miệng tiếng, nhưng nếu nhẫn nhịn thì mọi việc sẽ qua.

Xem tính chất của giờ Thìn ngày này: ta khởi giờ Tý từ cung Mùi, giờ Sửu cung Tý, giờ Dần cung Sửu, giờ Mão cung Dần, giờ Thìn cung Ty. Vậy giờ Thìn ở Lưu Liên, đây là giờ xấu. Nếu xuất hành giờ này đến đâu đó sẽ không gặp người cần gặp, nếu tiến hành việc gì thì mọi việc không thuận lợi, dở dang, phương châm hành động: tốt nhất là chờ đợi, không đi đâu cả trong ngày này nếu thấy chưa cần gấp quá.

Ví dụ 2: Ngày 12 tháng Ba xem lúc 10h sáng (giờ Ty) đi về quê thì sự việc sẽ như thế nào?

Cách tính: từ tháng 3 cung (Ngọ) ta khởi ngày mồng 1 sau đó tính thuận theo chiều kim đồng hồ, mồng 2 cung Mùi, mồng 3 cung Tý, mồng 4 cung Sửu, mồng 5 cung Dần, mồng 6 cung Ty...đến 12 cung Ty (chú ý: các cung Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Mão, Thìn) không sử dụng để tính). Từ ngày 12 cung Ty ta khởi giờ Tý, giờ Sửu sẽ cung Ngọ, giờ Dần cung Mùi, giờ Mão cung Tý... đến giờ Ty sẽ là cung Dần. Vậy lúc đi ta được quê Đại an, chuyến đi về quê gặp được người tốt, bình an vô sự mà còn có tài lộc.

Sơ đồ địa bàn ngày 12/3 giờ Ty

Ty Tháng 2-8 Ngày 12 Giờ Tý	Ngọ Tháng 3-9 Ngày: 1 Giờ Sửu	Mùi Tháng 4-10 Ngày: 2 Giờ Dần...	Thân
Thìn			Dậu
Mão			Tuất
Dần Tháng 1-7 Giờ Tý Đại an	Sửu Tháng 6-12 Ngày: 4 Không vong	Tý Tháng 5-11 Ngày: 3 Tiểu cát	Hợi

Để biết được sự tốt xấu, các nhà Dịch học xưa đưa ra những thang độ chuẩn như: Đại an: ứng với sao Quý nhân, Lưu liên ứng với sao Đằng Sà; Tốc hỷ ứng với sao Lục hợp, Xích khẩu ứng với sao Chu tước, Tiểu cát ứng với sao Thanh long, Không vong ứng với sao Bạch hổ. Sau đây là tính chất của từng sao hay từng loại ngày trong "Lục diệu".

3. Tính chất các ngày trong Lục diệu

a. Ngày Quý nhân - Đại an:

Gặp được bạn tốt, người tốt, có tài lộc hoặc được đại an, bình an vô sự.

b. Ngày Lưu liên - Đằng sà:

Ngày có dấu hiệu bất thường, đi không gặp, giữa chừng dở dang, mọi việc không thuận.

c. Ngày Túc hỷ - Lục hợp:

Mọi việc thuận lợi, gặp người cần gặp, có tài lộc, mọi việc như ý.

d. Ngày Xích khẩu - Chu tước:

Đễ gặp khẩu thiệt, thị phi. Đề phòng mất của, gia đình lục đục.

e. Ngày Tiểu cát - Thanh long:

Có sự hội ngộ, cầu tài cầu lộc có thể như ý. Bình an vô sự, gặp quý nhân.

g. Ngày Không vong - Bạch hổ:

Đề phòng bệnh tật, khẩu thiệt, mất của, sự phân ly.

Để tiện theo dõi việc chuyển đổi từ thời gian thường sang thời gian địa chi hãy xem bảng sau:

THỜI GIAN THƯỜNG	THỜI GIAN ĐỊA CHI
Từ 1h đêm-1h khuya	G. Tý
1h khuya-3h sáng	G. Sửu
3h sáng-5h sáng	G. Dần
5h sáng-7h sáng	G. Mão
7h sáng-9h sáng	G. Thìn
9h sáng-11h trưa	G. Tỵ
11h trưa- 1h chiều	G. Ngọ
1h chiều-3h chiều	G. Mùi
3h chiều-5h chiều	G. Thân
5h chiều-7h tối	G. Dậu
7h tối-9h đêm	G. Tuất
9h đêm-11h khuya	G. Hợi

II. ĐÓN PHÁP CỦA GIA CÁT LƯỢNG

1. Lịch sử cá nhân và những huyền thoại

Trung Hoa cổ đại là một quốc gia ngay từ thời Xuân Thu - Chiến Quốc (từ năm 0781 - 0221 trước Công nguyên) đến đời Tam Quốc (0220 - 0221) đã diễn ra nhiều cuộc chiến tranh bá đồ vương. Mục tiêu của các cuộc chiến tranh này nhằm hoặc duy trì địa vị thống trị của một dòng họ (một nhà) hoặc là thống nhất Trung Quốc. Người đương đại khi nhìn lại các cuộc chiến tranh trong chiều dài lịch sử này qua tư liệu lịch sử, không mấy ai đi luận bàn đến khía cạnh chiến tranh thời xa xưa đó theo bình diện đối lập: phi nghĩa hay chính nghĩa, bởi lẽ, chiến tranh là chiến tranh. Song nhiều người có một cảm nhận chung rằng, nếu trong các cuộc chiến tranh đó, nếu có ai đó bằng uy lực tài trí của mình kết thúc được cuộc chiến tương tàn, sát phạt, thì đó là bậc cao minh muôn thuở. Trong lịch sử chiến tranh Trung Hoa cổ đại, đã xuất hiện những bậc cao minh đó: đó là các nhà binh pháp, các nhà quân sự, nổi tiếng. Sử sách còn ghi mãi những nhà quân sự với binh pháp nổi tiếng của họ là: Thái Công Khương Tử Nha, sống vào đầu đời Đông Chu cách nay hơn 2800 năm, Điền Nhương Thư với Tư Mã binh pháp,

người đời Xuân Thu khoảng năm 0562 - 0542 trước Công nguyên; Ngô Khởi với Ngô Tử binh pháp, người đời Chiến Quốc, sống khoảng năm 0481 - 0402 trước Công nguyên; Uất Liễn với Uất Liễn tử binh pháp, người đời Chiến Quốc sống khoảng năm 0250 - 0221 trước Công nguyên; Hoàng Thạch Công với Tam lược binh pháp, người đời Tần, sống khoảng năm 0221 trước Công nguyên. Và cuối đời Đông Hán đến đời Tam Quốc (0220 - 0281) có Khổng Minh Gia Cát Lượng với Khổng Minh binh pháp.

Gia Cát Lượng lúc ban đầu, sống trong hoàn cảnh cuối đời Đông Hán, triều vua Hiêu Hiến Đế (0181 - 0230; bị phế năm 0220) thiên hạ đại loạn, các loạn thần nổi lên tranh giành địa vị thống trị và chém giết lẫn nhau khắp nơi. Trong lúc thiên hạ nhà Đông Hán loạn lạc rối ren như vậy, Gia Cát Lượng đã có tầm nhìn tổng quát là: Thiên hạ chia ba (Tam phân thiên hạ) vào năm 0207 tại Long Trung, khi tiếp kiến với Lưu Bị (lúc đó Lưu Bị bại trận, đến Long Trung tìm gặp Gia Cát Lượng và vờ về giúp mình). Và điều dự đoán của Gia Cát Lượng đã trở thành hiện thực, giang sơn nhà Đông Hán lúc đó đã chia thành ba nước: Tiền Ngụy của Tào Tháo (0220 - 0265); Tây Thục của Lưu Bị (0221 - 0264) và Đông Ngô của Tôn Quyền (0220 - 0281).

Để có cái nhìn "thiên hạ chia ba" (còn gọi là "Long Trung đối"), Gia Cát Lượng đã căn cứ vào tình hình xã hội cuối thời Đông Hán, phân tích cụ thể về các mặt kinh tế, địa lý, chính trị, quân sự, nhân sự... mà đề xuất ra chiến lược giúp Lưu Bị nhà Thục Hán thống nhất Trung Quốc, phục hưng nhà Hán. Chi tiết hóa chiến lược này của Gia Cát Lượng như sau: trước hết giành lấy Kinh Châu và Ích Châu (Tây Xuyên) làm căn cứ và lập quốc, ổn định hậu phương, cải cách chính trị trong nước, xây dựng tiềm lực quân sự và kinh tế vững mạnh, hòa hảo và liên kết với Đông Ngô của Tôn Quyền, cô lập Tào Tháo, tạo thế chân vạc, chờ thời cơ chiếm Trung Nguyên của nhà Ngụy, tiến tới thống nhất Trung Quốc. Rõ ràng, trong thời điểm đó, sách lược "Long Trung đối" của Gia Cát Lượng tỉ mỉ và có căn cứ khả thi.

Trên thực tế, chiến lược "Long Trung đối" đã được Gia Cát Lượng thực hiện một nửa. Đối với sự tham mưu vào điều hành việc quân, ông đã giúp Lưu Bị chiếm Kinh Châu, Ích Châu, Hán Trung, lập nên nước Tây Thục (0221 - 0264), tạo thành thế chân vạc là ba nước: Ngô, Ngụy, Thục sau thời Hậu Hán. Bằng mưu trí và tài thao lược, Gia Cát Lượng đã bình định vùng Nam Man - vùng các dân tộc thiểu số miền Nam Trung Quốc thời cổ đại, đưa vùng

này ổn định về an ninh xã hội phụ thuộc nước Tây Thục; thực hiện chính sách hòa hoãn với nước Ngô của Tôn Quyền và chuẩn bị tiềm lực kinh tế - quân sự để tiến về Trung Nguyên diệt Ngụy.

Để thực hiện mục tiêu chiến lược thống nhất Trung Quốc, giành lại giang sơn cho nhà Hậu Hán (Lưu Bị), từ năm 0228, Gia Cát Lượng tiến hành chiến tranh Bắc phạt với nhà Ngụy. Cuộc chiến tranh này kéo dài trong 7 năm. Theo tư liệu lịch sử, cuộc chiến tranh này ông đích thân dẫn quân đánh Ngụy cả sáu lần. Song "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", dường như "Trời" đã không tựa nhà Thục Hán, cứ mỗi lần cuộc chiến của ông sắp đến thắng lợi thì sự tối tăm của Hậu Chủ Thục Hán (Lưu Thiện, con Lưu Bị) lại nảy sinh và kiềm chế thắng lợi của ông. Do vậy cả sáu lần đánh Ngụy đều bỏ dở giữa chừng.

Theo đánh giá chung của giới sử gia và các nhà quân sự, cuộc đời binh nghiệp của Gia Cát Lượng rất phong phú và đa dạng. Ông đã để lại di sản quý báu về tư liệu, kiến thức quân sự cho đời sau như "Khổng Minh binh pháp". Gia Cát Lượng cho rằng, thưởng phạt nghiêm minh là yếu tố tạo nên sức mạnh cho quân đội. Lúc đương thời, khi chỉ huy quân đội, ông đã thực hiện triệt để vấn đề này. Chính vì vậy, nước

Thục nhỏ bé nhất trong ba nước, với số quân chỉ hơn 10 vạn, số hộ gần 30 vạn với gần 100 vạn người mà dám tiến đánh nước Ngụy với số quân, số dân gấp nhiều lần. Những cuộc chiến tranh Bắc phạt do Gia Cát Lượng chỉ huy đã làm cho nước Ngụy điêu đứng.

Điều đáng ngạc nhiên, ngay từ thời xa xưa đó, Gia Cát Lượng đã sử dụng công nghệ trong trận mạc. Ông đã phát minh và phổ biến ra "trâu gỗ" (loại xe đẩy bằng gỗ một bánh có hai chân) và "ngựa gỗ" (loại xe đẩy bằng gỗ có bốn bánh) để vận tải lương thực ở điều kiện rừng núi khi đánh Ngụy.

Gia Cát Lượng rất coi trọng chiến thuật quân sự trong chiến đấu. Ông đã xây dựng nên mô hình phòng thủ - tấn công qua thế trận "Bát trận đồ". Như vậy, ngay từ thời xa xưa đó, Gia Cát Lượng đã dùng tư tưởng và lý thuyết hệ thống (Theory Systems) trong chiến tranh mà lý thuyết này chỉ hình thành và sử dụng trong chiến tranh vào những năm 50 của thế kỷ XX ở các nước phương Tây.

Đối với Gia Cát Lượng, chiến tranh không chỉ diễn ra giữa con người với con người trong một địa hình nào đó, mà nó còn đặt trong hoàn cảnh môi trường thiên nhiên. Ông đã ý thức sâu sắc về vai trò của thời tiết, khí hậu trong chiến đấu. Chính vì vậy ông là một trong

những nhà quân sự hiếm có đã có khả năng dự báo thời tiết cho từng trận đánh, qua đó đề ra quyết định tiến hay lui, hay án binh bất động mà vẫn giành thế chủ động. Tương truyền rằng, trong những quyết sách này, ông cũng có dùng các phép độn toán để tham khảo. Như năm 0230, quân Ngụy chủ động tấn công vào Hán Trung của nước Thục, vì biết được thời tiết có mưa nhiều, quân Ngụy chiến đấu nơi xa, cuối cùng sẽ rút quân về, nên Gia Cát Lượng chỉ phòng bị chứ không đánh lại, qua đó bảo tồn sức mạnh quân sự của nước Thục.

Thiên tài quân sự và trí anh minh trác việt của Gia Cát Lượng được tầng lớp thống trị phong kiến Trung Quốc và quần chúng nhân dân rất yêu kính và ngưỡng mộ. Chính vì thế mà trên đất nước Trung Quốc rộng lớn rất nhiều nơi lập đền miếu thờ ông. Hiện nay, người ta không thể liệt kê hết được số đền miếu thờ Gia Cát Lượng. Theo con số thống kê, ở Tứ Xuyên có hơn 40 đền miếu, Vân Nam có 34 đền miếu, Quý Châu có 18 đền miếu... thờ Gia Cát Lượng. Mọi nơi thờ cúng Gia Cát Lượng đều có tên là đền "Vũ Hầu". Trong số các đền miếu này, đặc biệt có đền Vũ Hầu ở Thành Đô vốn có rất nhiều huyền thoại. ở đây có một cây bách từng sống hơn 2500 năm, từng có nhiều thơ văn của người xưa viết về cây bách này. Tương

truyền rằng, cây bách này do tự tay Gia Cát Lượng trồng, nó còn sống cho đến thời Minh Gia Tĩnh (1507 - 1567), sách Bản thảo cương mục thời Minh vẫn còn ghi rõ cây cổ thụ đền Vũ Hầu có tác dụng như là phương thuốc, lá cây có vị đắng nhng lại thơm, dân gian thường hái về chữa bệnh. Đến thời Minh Vạn Lịch (1563 - 1620) cây bách mới không còn. Đến đầu đời Thanh, người ta lại trồng nhiều cây bách ở đền Vũ Hầu này. Đến nay, đền là thắng cảnh đẹp với nhiều cây bách tỏa bóng xum xuê, diễm báo thiên tài quân sự của Gia Cát Lượng còn để tiếng mãi cho muôn đời sau.

Trung Hoa cổ đại là quốc gia có nhiều nhà quân sự nổi tiếng, như: Khương Thái Công thời Đông Chu, Điền Nhương Thư (0562 - 0542 trước công nguyên); Tôn Vũ Tử (0494 - 0450 trước công nguyên); Ngô Khởi (0481 - 0402 trước công nguyên); Uất Liểu (0250 - 0221 trước công nguyên), Hoàng Thạch Công (khoảng năm 0221 trước công nguyên)... Gia Cát Lượng (0221 - 0264) đời Hậu Hán. Những nhà quân sự cổ đại trên không chỉ danh tiếng một thời mà còn lưu danh muôn đời. Trong số họ, Gia Cát Lượng có nét đặc biệt: ông là nhà quân sự, có khả năng dự báo, dự đoán thời cuộc, dự đoán những tình huống sẽ xảy ra trên chiến trường lúc đương thời. Khả năng đặc biệt của Gia Cát Lượng đã

được dân gian Trung Quốc, Việt Nam lưu truyền từ bao đời nay qua chuyện kể, trong tiểu thuyết dã sử như Tam Quốc diễn nghĩa, trong các hình thái nghệ thuật như: kịch, tranh dân gian, ... và ngày nay là qua phim ảnh.

“Thuyền cỏ mượn tên” là câu chuyện rất quen thuộc trong Tam Quốc diễn nghĩa. Độ tin cậy của câu chuyện như thế nào thì chúng ta cần bàn. Song người xưa đã thần tượng hóa khả năng dự báo thời tiết của Gia Cát Lượng chọn được ngày có sương mù mà mang thuyền bọc cỏ đến thủy trại Tào Tháo để quân Tào Tháo bắn tên vào, sau đó mang thuyền về thu được 10 vạn mũi tên như cam kết với đô đốc Đông Ngô Chu Du.

Câu chuyện “mượn gió Đông” cho Chu Du (hồi 49. Tam Quốc diễn nghĩa), tuy người đọc cảm thấy có tính hoang đường, như ông lập đàn cúng tế, gọi gió..., như ông đã dùng thuật Bát môn độn pháp để biết giờ nào có gió... nhưng các học giả Trung Quốc hiện đại, như ngài Lý Điện Nguyên, lại thừa nhận rằng, Gia Cát Lượng có khả năng dự đoán được thời tiết. Đây cũng là vốn tri thức khí tượng của nhân dân Trung Hoa đã có từ thời Đông Chu Liệt Quốc cách nay gần 3000 năm.

Trận Xích Bích xảy ra sau đó, quân Tào đại bại. Gia Cát Lượng dự đoán Tào Tháo sẽ

dắt bại quân chạy qua đường Hoa Dung. Biết được sự kiện này, ông đã cắt đặt Quan Vân Trường mang quân ra chặn và bắt Tào Tháo. Đúng như dự đoán, Tào Tháo chạy qua Hoa Dung đã gặp Vân Trường... Vân Trường đã tha cho Tào Tháo vì chút ân tình xưa. Đây cũng là điều mà Gia Cát Lượng đã đoán trước khi xảy ra trận đánh.

Trên đường bình định vùng Kinh Châu (Hồi 53. Tam Quốc diễn nghĩa), Vân Trường và Huyền Đức chia thành hai cánh quân không liên lạc được với nhau. Cánh quân Huyền Đức và Khổng Minh đang đi, bỗng nhiên một cơn gió nổi lên cuốn đổ lá cờ xanh. Một con quạ từ Bắc bay về Nam, kêu ba tiếng rồi bay mất. Huyền Đức hỏi điềm gì? Khổng Minh bắm tay “độn” xem mà đáp:

- Điều này chắc chắn Vân Trường đã lấy được Trường Sa và được thêm đại tướng, đến giờ Ngộ nhất định có tin về báo.

Điều dự báo quả nhiên là đúng, Vân Trường đã chiếm được huyện trường Sa và quy hàng hai tướng. Hoàng Trung và Ngụy Diên.

Trên đường bình định Tây Xuyên (hồi 63. Tam Quốc diễn nghĩa), Bàn Thống đi cùng Huyền Đức, Khổng Minh ở lại giữ Kinh Châu. Một lần Huyền Đức nhận được thư của Khổng Minh, thư viết:

- “Lượng tôi tính số Thái ất, năm nay là năm Quý Tỵ, sao Cương đóng ở phương Tây. Lại xem thiên văn thì thấy sao Thái Bạch lâm vào địa phận Lạc Thành, ứng vào số phận tướng sủng, dữ nhiều lành ít, nên phải cẩn thận lắm mới được”.

Huyền Đức cho rằng, đây là điều có thể ứng vào Bàng Thống, nhưng Bàng Thống không tin. Cho rằng Khổng Minh sợ Bàng Thống lập công to, nên viết thư để ngăn trở.

Tuy vậy, Huyền Đức vẫn nói ý của Khổng Minh qua bức thư gửi cho mình, nhưng Bàng Thống không tin, cứ giục Huyền Đức tiến quân. Ngựa của Bàng Thống bị quáng mắt không đi được. Huyền Đức bèn lấy ngựa Địch Lư của mình cho ông. Đến gò Lạc Phượng, quân của đối phương là Trương Nhiệm truyền cho quân lính cứ nhằm người cưỡi ngựa Địch Lư mà bắn, vì cho đó là Huyền Đức. Muôn vàn mũi tên cùng lúc lao vào người cưỡi ngựa Địch Lư, Bàng Thống bị hại. Như vậy lời đoán của Khổng Minh trong thư gửi cho Huyền Đức là đúng.

Trong Tam Quốc diễn nghĩa còn đề cao khả năng dự báo về tương lai xa sau khi ông qua đời (Hồi 117) qua câu chuyện Đặng Ngải sau khi vượt qua dãy núi Ma Thiên Lĩnh, tiến vào Thành Đô - kinh đô của nhà Thục Hán. Chợt

Đặng Ngải gặp một bia đá trên khắc: “Bia này của thừa tướng Gia Cát Vũ Hầu đề”. Dởi lòng bia có đề bốn câu rằng: “Hai Hỏa mới dựng, có người qua đây, đôi Sĩ tranh nhau, chẳng được mấy ngày”. Đặng Ngải vốn tên tự là Sĩ Tái, xem xong bỗng giật mình kính phục. Theo lý giải của người xưa, ý của văn bia đó như sau: Hai chữ hỏa kết thành chữ Viêm, nghĩa là năm Kiến Viêm (của triều Tư Mã Viêm) mới đổi. Hai chữ Sĩ là: Đặng Sĩ Tái (Đặng Ngải) và Chung Sĩ Quý (Chung Hội). Đây là hai tướng của Tư Mã Viêm vào đánh Thục, cuối cùng đều bị Tư Mã Viêm giết (câu trên bia: chẳng được mấy ngày!).

Quả nhiên sau khi nhà Thục Hán Lưu Thiện bị diệt, cả Đặng Ngải (Sĩ Tái) và Chung Hội (Sĩ Quý) đều bị Tấn Vương Tư Mã Viêm giết chết.

Những câu chuyện trên đương nhiên là truyền thuyết. Nhưng phản ánh một điều, Gia Cát Lượng không chỉ là nhà quân sự, mà ông còn có khả năng tiên đoán, dự báo. Song khả năng dự báo, tiên đoán của Gia Cát Lượng như truyền thuyết, như trong truyện Tam Quốc diễn nghĩa nêu trên là điều khó có thể tin ngay. Đứng về khía cạnh văn bản học, chúng tôi giới thiệu ra đây tài liệu tương truyền của Gia Cát Khổng Minh, gọi là Bát môn độn pháp

để bạn đọc tham khảo. Tài liệu này về nội dung hiện nay chưa chứng minh được trên bình diện khoa học.

Bát môn độn pháp được viết thành sách, được nhiều người cho rằng do Vũ Hầu Gia Cát Lượng đời Thục Hán (0221 - 0264) thời Tam Quốc Trung Hoa làm ra. Khi dự báo, căn cứ vào tháng ngày giờ để lập sơ đồ địa bàn, sau đó đối chiếu với tình huống tương ứng với 8 tình huống gọi là 8 quẻ mà Khổng Minh nêu ra để xem xét. Cách dự đoán này theo lối ngẫu nhiên, đương nhiên người đương đại cần phải bàn.

Sau đây là nội dung của Bát môn độn pháp.

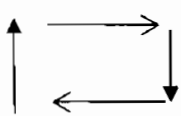
2. Nguyên lý dự báo

Bát môn độn pháp của Gia Cát Lượng là một phương pháp dự báo của Gia Cát Lượng, tự là Khổng Minh, sống vào đời Tam Quốc ở (Năm 220 - 264) Trung Hoa.

Gia Cát Khổng Minh là nhà hiền triết, uyên thâm về Dịch lý, thông bác Thiên lý, hô phong hoán vũ được. Ông giúp Thục Hán Lưu Bị và cầm binh đại tài với nhiều cơ mưu dựa trên môn Thái ất Kỳ Môn để áp dụng trong trận mạc. Ông còn là người thông hiểu thời cơ vận mệnh, biết tiến, biết lui, điều này còn ghi lại trong sử sách về những trận bất hủ, như: Xích Bích, Tam khí Chu Du, Thất cần Mạnh

Hoạch... Hiện nay còn lưu giữ nhiều tài liệu về các môn dự báo của ông, như: Kỳ môn Độn Giáp Gia Cát Võ Hầu, Bát Môn Độn Pháp... Sau đây là nguyên lý dự báo qua Bát môn Độn Pháp của ông.

Bát môn độn pháp là môn dự báo đơn giản tiện dùng để biết trước được phần nào sự hay dở trong những tình huống tức thời. Môn dự báo này dựa trên nguyên lý vận động của thời gian: Tháng, ngày, giờ trên Trái đất lúc khởi lên sự "đồng thanh đồng khí" (bắt đầu dự báo, bắt đầu hỏi, tìm vấn đề trong tương lai). Sự vận động của thời gian bắt đầu dự báo vận động theo sơ đồ như Lạc Thư đã chỉ ra cách nay hàng mấy ngàn năm. Sự định vị trí thời gian để dự báo theo sơ đồ sau:

TỐN - ĐỔ T. Ba - Tư	LY - CẢNH Tháng. Năm	KHÔN - TỬ Tháng. Sáu - Bảy
CHẤN - THƯƠNG Tháng. Hai		ĐOÀI - KINH Tháng. Tám
CẤN - SINH Tháng. Giêng - Chạp	KHÂM - HƯU Tháng. Một	CÀN - KHAI Tháng. Chín - Mười

3. Phương pháp độn quẻ hay xác định sự việc trong tương lai

Muốn xác định được sự việc hoặc vấn đề nằm trong Trạng thái không gian nào trong tương lai tiếp diễn tất đến, cần ghi nhận tháng dự báo, ngày dự báo và giờ xảy ra sự dự báo. Khi xác định được tháng (trên địa bàn Bát môn độn pháp) ở vị trí (ô) nào, khởi ngày mồng 1 tại vị trí đó tính thuận theo chiều kim đồng hồ để tìm ngày dự báo. Ngày dự báo dừng ở vị trí không gian (ô) nào, ta khởi giờ Tý tại đó, cũng tính thuận theo chiều kim đồng hồ, đến vị trí thời gian (ô) giờ dự báo.

Giờ dự báo dừng ở vị trí không gian nào (ô, quẻ), ta căn cứ vào tính chất của vị trí (TTKG - quẻ) đó mà dự báo.

Ví dụ: Tìm xem sự việc liên kết làm ăn sẽ diễn ra như thế nào trong tương lai - lúc xem: ngày 7 tháng 2, giờ Mão.

Để đoán định, có thể qua các bước sau:

Bước 1: xác định Cung: tháng, ngày giờ. Tháng 2 khởi từ cung Chấn, từ đây khởi ngày mồng 1, ngày mồng 2 cung Tốn - Đổ; mồng 3: cung Ly - Cảnh, mồng 4 cung Khôn-Tử, mồng 5 cung Đoài-Kinh, mồng 6 cung Càn-Khai, đến ngày mồng 7 cung: Khảm - Hưu. Từ cung Khảm - Hưu, ta khởi giờ Tý, giờ Sửu cung Cấn

– Sinh, giờ Dần cung Chấn-Thương, vậy giờ Mão dừng ở cung Tốn - Đổ.

Sơ đồ địa bàn Bát môn động pháp ngày 7/2/giờ Mão:

<p>TỐN-ĐỔ Tháng 3-4 Ngày: 2 G. Mão</p>	<p>LY-CẢNH Tháng 5 Ngày: 3...</p>	<p>KHÔN-TỬ Tháng 6-7</p>
<p>CHẤN-THƯƠNG Tháng 2 Ngày: mồng 1 G. Dần</p>		<p>ĐOÀI-KINH Tháng 8</p>
<p>CẤN-SINH Tháng 1-Chạp G. Sửu</p>	<p>KHÂM-HƯU Tháng 11 Ngày: 7→ giờ Tý</p>	<p>CÀN-KHAI Tháng 9-10</p>

Bước 2: Dự báo Tốn xem xét tính chất ở cung Đổ - tức trạng thái không gian trong tương lai tất đến.

Bước 3: luận.

Gặp đối tác là người nhu hoà nhưng tư tưởng bất định; việc làm ăn của mình có lợi nhưng vào cuộc lại phải phải xuất vốn ngay; khi tiến hành công việc thường luôn gặp trục

trắc nhưng sẽ qua; Bắt đầu công việc có thể rơi vào các tháng: Hai, Ba, Năm, Tám. Công việc làm ăn được tiến hành ở phương Đông Nam.

Khi có lãi phải sòng phẳng, biết chia đều lợi ích thì mới hưởng kết quả công việc lâu dài, nếu không công việc sẽ bị đình chỉ.

Để xem xét những gì xảy ra trong các trạng thái không gian (Quẻ) trong tương lai sẽ tất đến khi có liên quan với một người nào đó, các nhà Dịch học đưa ra những quy cách hoá về các sự việc ứng với từng quẻ như sau.

4. Những tình huống xảy ra với các quẻ trong quá trình dự báo

Căn cứ vào tháng, ngày, giờ, xác định được vị trí không gian sẽ tất đến (trên địa bàn là các vị trí không gian, ô) ta căn cứ vào 8 tình huống ứng với tám Quẻ để dự báo như sau:

a. Đến Càn - Khai môn

Đến Quẻ này, nếu tiếp xúc với ai đó, có thể là người lãnh đạo cấp cao, người chính trực, người cha, người con trưởng, quan chức, danh nhân, cán bộ.

Về phương hướng: xảy ra sự việc, có thể là ở phương Tây Bắc, thư đồ, đô thị lớn, địa hình hiểm yếu, danh lam thắng cảnh, vùng cao và khô.

Về thời gian: có thể là giao thừa, mùa thu, giữa tháng 9 và 10 (âm lịch).

Về hôn nhân: vào trạng thái "khai phát vinh hoa chỉ lương thì", nghĩa là tốt đẹp.

Về cầu tài (kinh doanh): ở vào thế: "Khai kỳ hôn hoa lợi tấn tài", nghĩa là đạt được điều mong muốn.

Về sự đoán trước một công việc: ở vào tình huống phải nên tiến hành.

Xem về người đi xa: người đã về gần nhà.

Xem về sự mất đồ vật: có sự gặp gỡ, bàn bạc, thuyết phục sẽ tìm thấy.

Xem về sự tìm người: không gặp

Đi gặp gỡ, thăm hỏi: gặp gỡ, vui vẻ.

Luận bát môn chống sự ca: chinh chiến viễn hành khai môn cát (nghĩa là đi chinh chiến hay đi xa gặp khai tốt).

Việc: nên đi xa (và có chuyện đi xa), có việc đón rước, giao dịch, ăn uống, nhậm chức, mưu vọng, ứng cử, hôn nhân, di chuyển đồ đạc, tiến hành kinh doanh, xây cất dinh thự.

Ra đi dễ gặp chèn chén hoặc quý nhân.

Nếu có chuyện hôn nhân thì thuận lợi, phát vinh hoa.

Kinh doanh tấn tài tấn lộc.

Nếu có việc đang dự định thì nên tiến hành vì tất thành công.

Người đi xa đã về gần nhà.

Của mất tìm thấy. Bệnh nặng sẽ khỏi. Đi thăm người được toại nguyện.

b. Đến Khảm - Hư Môn

Đến Quẻ này, nếu làm việc, tiếp xúc với ai đó, đó là người con thứ Nam trung, người nay đây mai đó, người lái đò, kẻ gian, bọn trộm cướp, người không ngay thẳng.

Về phương hướng: Xảy ra sự việc, có thể ở: phương Bắc, sông hồ, khe suối, giếng khơi, chỗ ẩm ướt, mương rãnh, ao đầm, nơi có nước.

Về thời gian: có thể là lúc tháng Một, mùa Đông, ngày tháng năm Tý, ngày tháng: 1,6.

Về hôn nhân: vào trạng thái "Hư tắc tiền xum hậu tắc lý", kết quả không tốt đẹp, ly tán.

Về cầu tài (kinh doanh): ở vào thế "Hư tắc cầu tài bất kiến tài", nghĩa là khó khăn lắm mới thấy kết quả.

Về sự đoán trước một công việc: Nếu tiến hành, rất lâu mới đến kết quả.

Xem về người đi xa: chưa trở về được, còn nhiều trắc trở.

Xem về sự mất đồ vật: vật mất không tìm thấy.

Xem về sự tìm người: không tìm được.

Đi gặp gỡ, thăm hỏi: đi không gặp.

Luận bát môn chấp sự ca: Hư môn kiến quý tối vi lương (Nghĩa là gặp Hư môn, gặp người tốt).

Việc nên làm: tu tạo thì tốt; các việc như: trị bệnh, hành quân, tham quan du lịch, mưu sự,

đi xa, gặp gỡ đều hanh thông, thuận lợi. Các việc khác như: đi nhậm chức, đi công tác, hôn nhân, di chuyển đồ đạc, kinh doanh đều tốt.

Việc không nên làm: như gây xung đột, gây khó khăn cho ai đó.

Nếu ngày dự báo (ngày xem) là ngày Dương thì ra ngoài sẽ gặp đàn ông hay đàn bà quý trọng.

Nếu ngày dự báo có ngũ hành vượng thì: gặp người quý, còn hưu tù thì giao tiếp với người bản thiện, bản thân không tự nhiên hoặc có xích mích lớn với họ.

Khi bàn về hôn nhân: lúc đầu thuận nhưng sau trái chiều.

Cầu tài và kinh doanh khó khăn.

Câu chuyện đang tiến hành chưa đi đến đâu cả.

Người đi xa chưa về, cửa mắt không thấy, đi thăm hay gặp người thì không gặp.

c. Đến Căn - Sinh Môn

Đến Quê này, nếu gặp gỡ, làm việc với người Nam trẻ, hoặc người rỗi việc, người sống nơi rừng núi, người giúp việc nam.

Về phương hướng: việc xảy ra ở đường đất miền rừng núi gần tụ điểm dân cư, dãy gò mả, phương Đông Bắc, nơi cửa không cánh.

Về thời gian: Vào tháng giữa Đông sang Xuân, năm (tháng, ngày, giờ). Sửu, Dần, tháng Chạp, ngày 5,7,10.

Về hôn nhân: Vào trạng thái: "Sinh tăng phú quý khách lộc tuý", nghĩa là tốt đẹp.

Về cầu tài (kinh doanh): trước mắt chưa thấy gì, song tương lai sẽ đạt

Về sự đoán trước một công việc: nên tiến hành, vì đạt được kết quả.

Xem về người đi xa: người xa nhà bình an vô sự, sẽ trở về.

Xem về sự mất đồ vật: của mất đã mang đi khỏi nhà.

Xem về sự tìm người: tìm được một cách dễ dàng.

Đi gặp gỡ, thăm hỏi: gặp gỡ vui vẻ.

Luận bát môn chấp sự ca: Dục cầu tài lợi vãng sinh phương (nghĩa là gặp sinh cầu tài được).

Việc: chinh phạt, mưu sự, nhậm chức, tiếp kiến quý nhân, hôn nhân giá thú đều tốt.

Phàm đã có mưu tính gì đều được, yết kiến quý nhân thì được thân.

Không nên xâm phạm vào cái gì đó.

Gặp được nghề khéo.

Hôn nhân như ý, tăng phú quý, tài lộc.

Kinh doanh dù có khó khăn nhưng sau thắng lợi.

Việc dự định tiến hành sẽ diễn biến rất tốt.

Người đi xa vô sự sẽ bình an trở về.

Của mất không phải ở nhà.

Bệnh dù nặng cũng khỏi.

Tranh đấu thắng lợi.

J. Đến Chấn - Thương Môn

Đền Quẻ này, nếu gặp gỡ làm việc với người trưởng nam.

Về phương hướng: Việc xảy ra ở phương Đông, hoặc nơi có chợ ồn ào, nơi đường lớn, rừng tre, chỗ cỏ cây rậm rạp.

Về thời gian: Vào tháng Hai mùa xuân, ngày (hoặc tháng, năm, giờ): Mão, ngày (tháng): Tư, Ba, Tám.

Về hôn nhân: Vào trạng thái: "thương vì tiền chiếm hậu hôn hợp", nghĩa là lúc đầu khó khăn, song cuối cùng tốt đẹp.

Về cầu tài (kinh doanh): lúc ban đầu khẩu thiệt, xung đột, song cuối cùng có lợi nhỏ.

Về sự đoán trước một công việc: việc nên tiến hành vào ngày Hợi, Sửu.

Xem về người đi xa: Chưa về được, còn nhiều khó khăn, cách trở.

Xem về sự mất đồ vật: của mất không tìm được.

Xem về sự tìm người: có tin tức về nơi người cần tìm.

Đi gặp gỡ, thăm hỏi: Chủ nhà không có.

Luận bát môn chấp sự ca: Sách hội tự phòng thương thượng khởi (nghĩa là sự nhiều sách, tan ra, nên phòng ngừa ngay lúc đầu).

Việc: không nên có thái độ hạch sách, trách mắng; nên sống rộng rãi, không nên kiểm soát giá cả tiền tài.

Ngày hôm ấy nếu ra khỏi cửa thấy ánh sáng lửa hay người chặt cây là điềm hung.

Nên bình tĩnh, an định, vì sự việc tạm thời chưa có thể thắng được.

Hôn nhân ban đầu trục trặc sau hoà hợp. Kinh doanh bị khấu thiệt, sau cũng có lợi nhỏ. Ngày Hợi, ngày Sửu tiến hành công việc sẽ có thuận lợi.

Người đi xa hiện đang khó khăn nhiều bề.

Cửa mất không thể tìm thấy.

Người mình muốn kết duyên đã nhiều lần xe duyên.

Bệnh ốm khó khỏi. Nếu xung đột sẽ luy đến bản thân.

c. Đến Tốn - Đỗ Môn

Đến Quẻ này, nếu gặp gỡ, làm việc với người: trưởng nữ, hoặc: nhà tu hành, quả phụ, người tu luyện ở rừng sâu.

Về phương hướng: việc xảy ra ở phương Đông Nam, chỗ có cây rậm rạp, vườn rau quả.

Về thời gian: Vào lúc giao thời giữa mùa Xuân và mùa Hạ, ngày (tháng): Hai, Ba, Năm, Tám. Ngày (Tháng, giờ): Thìn, Ty.

Về hôn nhân: Vào trạng thái: "Đỗ tác Nam Tân, nữ Việt lai" nghĩa là không gặp gỡ được, không thành.

Về cầu tài (kinh doanh): Vào tình huống: "Đỗ tri danh lợi nể phân hai", có được nhưng không được hưởng cả.

Về sự đoán trước một công việc: việc nếu tiến hành, sẽ gặp nhiều ngăn trở, sai lầm.

Xem về người đi xa: người đi xa gặp phải khó khăn ở giữa đường.

Xem về sự mất đồ vật: không rõ tin tức gì về vật.

Xem về sự tìm người: chỉ nghe tin chứ không tìm được.

Đi gặp gỡ, thăm hỏi: gặp được.

Luận bát môn chấp sự ca: Đỗ môn vô sự diệp đào tàng (Đi tránh, ẩn là hơn cả).

Việc: đang rơi vào tình thế bế tắc, có sự ngăn cản, ngăn lấp. Không nên làm điều hung bạo, không nên đi trừ gian.

Trên đường đi dễ gặp người bức bách, gặp người hung tàn.

Nếu đi trốn tránh sẽ có "thần" giúp.

Không nên chặn ngăn dòng nước.

Hôn nhân khó thành.

Kinh doanh có lợi song lại phải mất của.

Việc đang dự định tiến hành sẽ mắc sai lầm.

Người thân đi xa gặp gian nan.

Của mắt không rõ ràng.
Người định kết duyên là người trong trắng.
Bệnh nặng sẽ khỏi.
Hãy tránh xa các cuộc xô sát.

9. Đến Lạ - Cảnh Môn

Đến Quẻ này, nếu gặp gỡ, tiếp xúc với người con thứ nữ trung, hoặc văn nhân, người có tật ở mắt.

Về phương hướng: Việc xảy ra ở phương Nam, hoặc chỗ có gò cao, nơi mặt đất khô, chỗ hang hốc hiểm khô.

Về thời gian: xảy ra vào tháng Năm, mùa Hạ. Ngày (hoặc giờ, tháng, năm): Ngọ, ngày 2,3,7.

Về hôn nhân: vào trạng thái: "Cảnh tắc trung ngoại phân phi cách", nghĩa là không hay, bị cản trở ở phía bên ngoài.

Về cầu tài (kinh doanh): vào tình huống: "cảnh tắc bán đạo (giữa đường) phòng đại lợi", đạt điều mong muốn, nhanh trong kinh doanh.

Về sự đoán trước một công việc: rất khó xét đoán nên hay không nên, vì người ra quyết định hành động không rõ ràng.

Xem về người đi xa: có tin đến ngay.

Xem về sự mất đồ vật: của mất nhưng lại được hoàn lại.

Xem về sự tìm người: tìm được.

Đi gặp gỡ, thăm hỏi: Không gặp vì đúng lúc chủ nhân vừa mới đi.

Luân bát môn chấp sự ca: "tư lương ảm tửu Cảnh môn cao" (đi dự tiệc nơi sang trọng phải cẩn thận).

Việc: nên cùng người có mưu lược với mình thực hiện mới thành công.

Đi xa cẩn thận mọi bề, nếu không dễ gặp nạn trên đường.

Hôn nhân: nửa chừng phân cách.

Kinh doanh nơi xa thì có lợi.

Người thân đi xa: có tin tức.

Cửa mắt tìm thấy.

Bệnh nặng khó qua.

h. Đến Khôn - Tử Môn

Đến Quẻ này, nếu gặp gỡ là mẹ già, hoặc mẹ kế, người nông dân, người nông thôn, người bình thường, người nữ đã có tuổi.

Về phương hướng: nơi điền dã, buổi sáng sớm ở nông thôn, nơi bình địa, phương Tây Nam.

Về thời gian: Tháng: Ba, Chín, Một, Sáu, giờ (Hay ngày, tháng, năm): Mùi, Thân. ngày 5,8,10.

Về hôn nhân: vào trạng thái: "Tử lai bán lộ biệt mônng thụ", nghĩa là nửa đường mờ mịt, không đi đến đâu.

Về cầu tài (kinh doanh): ở vào tình huống: "Tử phùng hữu xứ khùng bi lai", nghĩa là rất khó khăn, không thuận lợi.

Về sự đoán trước một công việc: mọi việc nếu hành động sẽ không thành, công việc rất khó khăn.

Xem về người đi xa: còn biệt ly, chưa trở về được.

Xem về sự mất đồ vật: mất không tìm thấy được.

Xem về sự tìm người: không tìm thấy.

Đi gặp gỡ, thăm hỏi: đến không gặp vì chủ nhân mắc gian nan.

Luận bát môn chấp sự ca: "Táng hiệp tu chi tử độ cường" (chỉ chôn cất, săn bắn là tốt).

Việc: nếu đi xa dễ bị bệnh.

Mọi việc đã bàn nên quyết đoán để thực hiện, sẽ thành công.

Báo hiệu có: hình ngục, diếu tang, ly tán.

Những việc quan tụng không nên tiến hành vào ngày này (ngày có cửa Tử).

Chiêm nghiệm về hôn nhân: giữa chừng phân ly.

Kinh doanh thua thiệt.

Công việc dự định tiến hành sẽ gặp nhiều gian nan.

Người thân đi xa chưa muốn về.

Của mất không tìm được.

Coi ý chung nhân: không muốn kết hôn.

Bệnh nặng khó qua.

Đi thăm người, người gian nguy.

Xung đột: hai bên đều thiệt

i. Đến Đoài - Kinh Môn

Đến Quẻ này, nếu gặp gỡ là: thiếu nữ, bạn gái, hoặc kỹ nữ, diễn viên, người phiên dịch, thầy bói, người giúp việc là gái trẻ.

Về phương hướng: nơi ao đầm, mép nước, ao nhỏ, giếng đã bỏ đi, nơi núi sát lở, chỗ đất sỏi phương Tây.

Về thời gian: tháng Tám, mùa Thu, ngày (hoặc giờ, tháng, năm): Dậu, ngày 2,4,9.

Về hôn nhân: Vào trạng thái: "Kinh phòng cô độc sầu tan sự", rất không hay.

Về cầu tài (kinh doanh): ở vào tình huống: "kinh cấp phúc sàng nhi chỉ phúc", nếu phúc dày thì kinh doanh có lợi lớn.

Về sự đoán trước một công việc: mọi việc chỉ có một mình, không ai giúp.

Xem về người đi xa: chưa rõ tin tức về người đi xa.

Xem về sự mất đồ vật: tìm phía Tây, song của mất.

Đi gặp gỡ, thăm hỏi: Chủ nhân có nhà, đến sẽ gặp.

Luận bát môn chấp sự ca: "trắc tắc kinh môn vô bát hoạch" (Đuổi giặc theo cửa Kinh thì bắt được).

Việc: không nên cố chấp, hãy khai thông sự bế tắc.

Nếu đang làm các việc công thì nắm chắc phần thắng trong tay.

Sự tốt có thể bị nguy, sự xấu được bao che.

Ra đi một cách đàng hoàng thì đạt.

Đề phòng tai nạn ở chân.

Hôn nhân: đề phòng sống cô độc.

Kinh doanh nghiêm túc sẽ có lợi.

Việc dự định tiến hành gặp nhiều khó khăn, dù cho mình ngay chính.

Người thân đi xa chưa rõ tin tức.

Cửa mất tìm ở phương Tây.

Bệnh trọng nguy nan.

Nên tránh xa sự xung đột.

III. QUỶ CỐC TỬ ĐỘN PHÁP

Quý Cốc Tử tên thật là Vương Hủ, sống vào thời Chiến Quốc Trung Hoa cổ đại cách nay hơn 2300 năm. Sở dĩ gọi là Quý Cốc Tử vì Vương Hủ chọn một nơi rừng rậm trong hang đá tại vùng đất Dương Thành nhà Đông Chu Trung Hoa cổ để tu luyện theo phái Đạo gia và hái thuốc chữa bệnh. Hang ấy gọi là Quý cốc, nên Vương Hủ lấy tên Quý Cốc Tử làm đạo hiệu, người đương thời còn gọi ông là Quý cốc tiên sinh.

Quý Cốc Tử có rất nhiều học trò, nhiều người đã trở thành nổi tiếng lúc đương thời, như Bàn Quyên, Tôn Tấn, Trương Nghi, Tô Tấn. Nhưng có hai học trò nổi tiếng là Bàn

Quyên và Tôn Tần, họ không chỉ là bạn đồng môn mà còn là bạn thân của nhau.

Quý Cốc Tử có học vấn cao siêu, như Hình thế học, Xuất thế học, Du thuyết học và Số học. Trong môn số học, ông đã khái quát các quy luật của thời gian tác động đến mỗi người, xem việc trước, đoán định được tương lai, nghe nói rất linh nghiệm. Về sự linh nghiệm trong đoán định của ông, được người đời truyền tụng qua câu chuyện sau:

Có một lần, Quý Cốc Tử đoán trúng ý của người học trò tên là Bàn Quyên muốn hạ sơn nhập cuộc với thế sự, thi thố tài năng của mình với thiên hạ, ông bèn nói Bàn Quyên hãy đi hái một cành hoa mang về để đoán định tương lai.

Bàn Quyên đi xuống núi tìm hoa, bấy giờ là tháng 6 trời nóng nực, cây cối ít có hoa nở. Bàn Quyên tìm mãi, chỉ thấy một cành hoa cỏ liền nhỏ cả gốc toan đem về trình sư phụ, nhưng lại nghĩ, thứ hoa này cánh mềm, thân yếu không phải là vật quý giá, bèn quẳng xuống đất rồi đi tìm hoa khác đẹp hơn, sang hơn, nhưng tìm mãi vẫn không có. Bất đắc dĩ lại phải đến chỗ cũ để nhặt lấy nhành hoa đã quẳng đi rồi bỏ vào trong tay áo, nhưng khi đi về lại nói với sư phụ rằng:

- Trong núi không có hoa.

Quý Cốc tử nói:

- Không có hoa thì cái gì ở trong tay áo nhà người kia?

Bàng Quyên không giấu được, phải đưa trình nhành hoa bị nhỏ lên sau vút đi, rồi lại phải phơi nắng nên đã héo cả. Quý Cốc nói:

- Đây là hoa mã đầu linh, mỗi lần nó nở ra 12 đoá hoa, như thế sau này nhà người được vinh hiển 12 năm. Hoa nhỏ lên ở hang Quý Cốc thấy mặt trời thì héo (uỷ), do vậy bên chữ “quỷ” có chữ “uỷ”, nhà người tất xuất thân thành danh ở nước Ngụy.

Bàng Quyên nghe xong nghi thâm lấy làm lạ. Quý Cốc tử lại nói tiếp:

- Sau này nhà người sẽ vì việc lừa dối người mà bị người ta lừa lại, cho nên phải lấy điều đó mà răn mình. Ta có 8 chữ này tặng cho nhà người, nên nhớ lấy: “Gặp dê (năm Mùi) thì tươi, gặp ngựa (năm Ngọ) thì héo!”.

Bàng Quyên nghe xong câu này không hiểu gì cả và cũng quên mau.

Bàng Quyên xuống núi và đúng như lời Quý Cốc tiên sinh dự báo, sau đó không lâu được vua Ngụy Huệ Vương tin dùng và cho làm chức quân sư rất to. Năm Bàng Quyên được trọng dụng cũng là năm Mùi. Sau vua Ngụy còn biết tiếng Tôn Tẫn học trò Quý Cốc cũng tài ba, bèn gợi ý Bàng Quyên viết thư vời Tôn Tẫn đến.

Bàng Quyên không muốn, nhưng là ý của vua đành tuân lệnh.

Tôn Tần nhận được thư Quyên, cảm động vì tình bạn tốt của Quyên, nên đưa cho thầy xem và có ý xuống núi tới chỗ Quyên để cùng phò giúp vua Ngụy. Quý Cốc thấy vậy cũng bảo Tần đi lấy một cành hoa trong núi để đoán định sự việc trong tương lai ra sao. Bấy giờ là tiết tháng 9, Tần thấy cái bình ở trên án có cắm một cành hoa cúc, tiện tay rút lấy đem trình thầy. Thấy vậy, Quý Cốc tiên sinh bèn đoán rằng:

- Cành hoa này đã bị cắt cắm bình, nên không hoàn hảo, nhưng tính (tính chất của hoa cúc, là loài hoa thuộc nhóm tứ quý: tùng, cúc, trúc, mai) của nó lại chịu rét, tuyết sương có dầu dãi cũng không rụng, dầu có bị tàn hại cũng không hề gì và cắm để trong bình, mọi người đều quý trọng, mà cái bình lại từ vàng đúc nên, cùng một loài với cái Chung, cái Đỉnh, chắc rồi ra danh tiếng lẫy lừng. Nhưng loài hoa này qua hai lần cắt nhấc, rồi mới cắm vào bình, vậy sự nghiệp của người nhất thời chưa đắc ý được, mà cuối cùng sẽ làm nên ở đất nước mình. Vậy ta sẽ đổi chữ tên cho, có thể mong tiến thủ được!

Quý Cốc tiên sinh bèn đổi tên cho là “Tần”. Theo nghĩa chữ thì chữ “Tần” là một thứ cực hình chặt chân. Quý Cốc tiên sinh đổi tên cho

Tôn Tần như thế là biết thế nào Tôn Tần cũng bị chặt chân, nhưng cơ trời không dám tiết lộ cho ai biết.

Khi Tôn Tần ra đi, tiên sinh lại trao cho một cái túi kín, dặn kỹ khi nào gặp việc nguy thì mới mở ra. Tôn Tần từ biệt thầy theo sứ giả đến nước Ngụy.

Đến nước Ngụy, thấy Tần tài hơn mình, sợ vua Ngụy trọng dụng thì quyền của mình bị giảm, Quyên đã mạo chữ Tần trong thư gửi về quê nhà để vu cho Tần phản Ngụy theo nước Tề. Quyên bèn tham mưu cho vua Ngụy giam Tần vào ngục và chặt xương bánh chè chân làm cho Tần tàn phế suốt đời. Mưu thâm của Quyên là vẫn giữ mạng sống cho Tần, để khai thác những bí truyền mà Thầy Quý Cốc chỉ truyền riêng cho Tần. Khi biết được mọi tai hoạ mình đang gánh chịu trong ngục đều do Quyên sắp đặt, Tần không biết làm cách nào để thoát thân. Bỗng nhớ cái túi kín mà thầy đưa cho lúc ra đi, Tần bèn mở ra, hoá ra là mảnh lụa vàng có đề 3 chữ “Giả cách diên”. Thế là Tôn Tần giả diên. Tần giả diên khéo đến mức lúc đầu Quyên không tin, cho rằng đó là khổ nhục kế, nhưng sau nhiều lần thử thì cho là Tần diên thật, bèn lơ là canh gác, thế là Tần thừa cơ thoát ra ngoài. Từ đó Quyên cho rằng Tần như người đã chết và không quan tâm gì nữa.

Sau khi giả điên thoát ra khỏi sự giam cầm của Bàng Quyên, Tôn Tần do tài năng của mình được nhiều người biết đến, được làm quân sư cho tướng quốc nước Tề là Điền Kỵ. Tần tham mưu cho Điền Kỵ tiến đánh nước Ngụy, cũng là ý báo thù Bàng Quyên và sự ngu tối của vua Ngụy Huệ Vương để cho Quyên làm hại mình.

Một lần Bàng Quyên dẫn quân đuổi theo quân Tề, Tôn Tần tính toán thế nào chiều tối hôm ấy Bàng Quyên sẽ đến Mã Lăng, chỗ này là một thung lũng sâu và hẹp, có thể phục binh. Ven đường tới Mã Lăng cây cối um tùm. Tôn Tần chỉ để một cây rở to, còn lại sai chặt cả ngã xuống đường cho nằm ngổn ngang để chặn bước tiến của quân Bàng Quyên, rồi lại sai quân cạo sạch vỏ ngoài mặt Đông của cây khá to còn lại kia, dùng than viết 6 chữ lớn "*Bàng Quyên chết dưới cây này*", trên mặt viết ngang dòng chữ: "*Lời truyền của Tôn quân sư*". Sai bộ tướng Viên Đạt và Độc Cô Trần kén 5000 quân cùng nỏ mai phục hai bên đường và hẹn: nếu khi nào thấy dưới gốc cây có ánh lửa sáng, thì nhất loạt bắn tên về phía ấy.

Khi Bàng Quyên dò biết quân Tề đã đi chưa xa, giận không thể bước chân theo kịp, nên giục quân lính đuổi gấp, khi đến đường đi Mã Lăng thì mặt trời đã lặn. Bấy giờ là hạ tuần

tháng Mười, trời tối không trăng, tiền quân quay lại báo Bàn Quyên có nhiều cây to bị chặt chắn lối đi, duy chỉ có một cây cao lớn còn lại. Khi đến nơi, Quyên tò mò thấy thân cây đẽo trắng có chữ viết, liền đến gần và sai một tên lính châm lửa giơ lên đọc xem, đọc thấy hai câu viết trên đó, bèn giật mình thốt lên:

- Thôi ta mắc lừa thằng què rồi!

Bàn Quyên chưa nói dứt lời thì hai toán quân phục của Tôn Tẫn thấy lửa sáng bèn nhất loạt bắn tên về phía ấy. Bàn Quyên trúng tên chết ở dưới cây đó.

Như vậy tính từ khi Bàn Quyên làm quan ở nước Ngụy cho đến lúc chết vừa đúng 12 năm, ứng vào cái triệu cành hoa Mã Đâu linh 12 đoá, nơi chết là Mã Lăng.

Sự linh nghiệm của sự tiên tri của Quý Cốc tiên sinh là như vậy, tương truyền ông còn để lại phép “Độn Quý Cốc”, một phương pháp dự báo dùng ngày tháng theo số và giờ theo Địa Chi. Cũng có người gọi Độn Quý cốc là Lục Nhâm tẩu mã, thiết nghĩ gọi như thế là không đúng. Bởi lẽ có môn dự báo là Lục Nhâm đại độn và Lục Nhâm tiểu độn. Phương pháp dự đoán này rất phức tạp, dựa trên cơ sở lập Thiên bàn và Địa bàn dự báo qua các thời gian can chi là Nhâm (năm, tháng, ngày, giờ: 6 thời gian Nhâm là: Nhâm Tý, Nhâm Dần, Nhâm Thìn,

Nhâm Ngọ, Nhâm Thân, Nhâm Tuất). Cách đoán định này khác hẳn với cách đoán định của Quý Cốc tiên sinh: chỉ dựa vào: tháng, ngày bằng số và giờ tiên lượng xảy ra sự việc.

Sau đây là phương pháp đó của Quý cốc tiên sinh.

1. Cách xác định thời gian cho đoán định:

Theo Quý Cốc tiên sinh, để đoán định cần có 3 dữ kiện là: Tháng, Ngày và Giờ. Tháng là từ tháng Giêng, 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11 và Chạp. Ngày theo số từ mồng 1, mồng 2, mồng 3... đến ngày 30. Giờ từ giờ: Tý, Sửu, Dần... đến Hợi.

Khi dự báo theo Quý Cốc Tử cần lập địa bàn xác định hướng vận động của thời gian theo tháng chỉ dựa trên 7 vị trí là: Dậu → Tuất → Hợi → Tý → Sửu → Dần → Mão. Địa bàn như sau:

Ty	Ngọ	Mùi	Thân
Thìn	↑	→	Dậu Tháng: 5
Mão Tháng: 11		↓	Tuất Tháng: 4 và 6
Dần Tháng 10 và 12	Sửu Tháng 1 và 9	← Tý Tháng 2 và 8	Hợi Tháng: 3 và 7

Về thời gian: nếu sự kiện cần dự báo khởi lên ở tháng nào, thì tháng đó là tháng Giêng để tính. Ví dụ: có người muốn biết việc sẽ ra sao, vào tháng Tư: theo cách này, tháng 4 cung Tuất là khởi tháng Giêng (vì Tuất là cung của tháng 4 và 6), đếm thuận theo chiều kim đồng hồ, tháng 2 cung Hợi, tháng 3 cung Tý, vậy tháng 4 dừng để đoán định là ở cung Sửu.

Tương tự như vậy, đối với các tháng khác như sau:

+ Tháng Giêng và tháng 9: khởi tháng Giêng từ cung (ô) Sửu.

+ Tháng 2 và tháng 8: khởi tháng Giêng từ cung Tý.

+ Tháng 3 và tháng 7 khởi tháng Giêng từ cung Hợi.

+ Tháng 4 và tháng 6 khởi tháng Giêng từ cung Tuất.

+ Tháng 5 khởi tháng Giêng từ cung Dậu.

+ Tháng 10 và tháng Chạp khởi tháng Giêng từ cung Dần.

+ Tháng Một khởi tháng Giêng từ cung Mão.

Khi xác định được tháng Giêng, ta đếm thuận theo chiều kim đồng hồ đến tháng đang dự báo: dừng ở cung nào thì đó là ngày mùng 1, đếm tiếp đến ngày dự báo: dừng ở cung nào ta lấy đó là giờ Tý. Từ giờ Tý đếm đi đến giờ đang dự báo: dừng ở cung nào là cung để tính **vị trí**

sao **Thiên cương** (về sao Thiên cương sẽ nói tiếp sau đây).

Khi có được cung chứa giờ đang dự báo, Quý Cốc tiên sinh có hai cách luận giải tướng là:

1. Dự báo theo Tam thần lâm vào Tứ tướng.
2. Dự báo theo Mệnh, Trọng, Quý.

2. Dự báo theo Tam Thần Tứ Tướng.

a. Xác định Tam Thần - Tứ Tướng

Tam thần là 3 ngôi sao chủ về sự tốt cát, đó là: Đẳng minh, Thần hậu, Đại cát. Còn tứ tướng là: *Tý, Ngọ, Mão, Dậu*. Tứ tướng trên địa bàn là 4 ô : ô Tý, ô Ngọ, ô Mão, ô Dậu. Nếu Đẳng Minh hoặc Thần Hậu, Đại Cát nằm ngoài các vị trí thời gian Tý, hoặc Ngọ hay Mão, Dậu, thì giờ dự báo không có Tam thần - Tứ tướng. Khi độn không có Tam thần, tứ tướng thì người ta lại dự báo bằng cách xem sao Thiên cương lâm vào cung nào để đoán theo Mệnh, Trọng, Quý. Trước hết ta xem cách dự báo theo Tam thần tứ tướng như sau.

Để xác định xem có Tam thần - Tứ tướng (hay theo Mệnh, Trọng, Quý) Quý Cốc Tử đưa ra sự chuyển động của vòng sao Thiên Cương theo 12 giờ của một ngày đêm. Vòng sao Thiên Cương có 10 sao, khởi đầu là sao Thiên Cương:

→ Thái át → Thăng quang → Tiểu cát → Chuyên tống → Long khô → Hà khô → Đẳng minh → Thần hậu → Đại cát → Thiên cương →...

Về tinh ngũ hành của tam thần như sau:

Đăng minh: tính Mộc, nếu lâm Tý thủy thì đặc tương sinh. Trong trường hợp này chủ là Tý thủy sinh khách là Đăng minh mộc, nên ngoại (khách) thịnh vượng, được sinh.

Đăng minh mộc lâm Mão cũng mộc thì chủ và khách hoà nhau, vì lưỡng mộc nên bình an.

Đăng minh mộc lâm Ngọ hoả: khách mộc sinh chủ Ngọ hoả nên đặc tương sinh, nội thịnh vì khách sinh chủ.

Để dự báo theo cách này, ta xét ví dụ sau:

Ví dụ: việc cần xem về kinh doanh sắp tới vào ngày 14 tháng Chạp, giờ Hợi: (16-1-2003, tức ngày 14, Kỷ Sửu, Tháng Chạp, Nhâm Ngọ).

Trước hết ta lập địa bàn thời gian ngày 14/Chạp/giờ Hợi:

TÝ Long khô	NGỌ Hà khô	MÙI Đăng minh	THÂN Thần hậu
THÌN Chuyên tống	↑	↓	DẬU Đại cát
MÃO Tiểu cát			TUẤT
DẦN Tháng: 10-12 Tháng giêng Ngày 14, giờ Tý Tháng Quang	SỬU Tháng Chạp Giờ: Hợi Thái ất	TÝ Thiên cương	HỢI

Sau khi có địa bàn thời gian, ta xác định sao Thiên cương trong vòng sao Thiên cương. Cách làm như sau:

b. Xác định vị trí sao Thiên cương

Mục đích xác định sao Thiên cương để xem trên địa bàn có Tam thân Tứ tướng hay phải dùng Mệnh Trọng Quý. Trở lại ví dụ trên, xem xét các dữ kiện trên địa bàn: ta thấy tháng dự báo được sắp xếp như sau: tháng Chạp ở cung Dần (10-12) khởi tháng Giêng, cung Mão: tháng Hai, cung Thìn tháng Ba, cung Tỵ tháng Tư... vậy cung Sửu tháng Chạp (là tháng dự báo). Từ cung Sửu: khởi ngày mồng 1, mồng 2: cung Dần, mồng 3 cung Mão; ... vậy ngày 14 ở cung Dần. Từ cung Dần khởi giờ Tý, giờ Sửu cung Mão... vậy giờ Hợi ở cung Sửu.

Theo Quỷ Cốc Tử, từ cung giờ dự báo: ***lùi lại một cung*** (lưu ý điều này) là vị trí của sao Thiên cương. Khi biết vị trí sao Thiên cương, ta sẽ biết vị trí các sao tiếp theo. Nhìn địa bàn, sao Đại cát ở vào cung Dậu (Dậu là vị trí của tứ tướng như nêu trên). Vậy việc dự báo về tương lai kinh doanh có Tam Thân - Tứ tướng: Đại cát Lâm Dậu. Ta tìm phần: Đại cát Lâm Dậu để dự báo. Theo phần này, kinh doanh và cầu tài có khó khăn.

c. Về mối quan hệ giữa khách ngoại và nội chủ.

Trong dự báo theo Tam thân tứ tướng thì Tham thân: Đấng minh, Thần hậu, Đại cát là

khách, còn tứ tượng là Tý, Ngọ, Mão, Dậu là chủ. Khi dự báo, bản thân mình là nội chủ, là tứ tượng; còn đối tượng liên quan đến ta là khách ngoại. Ví dụ khi dự báo về tình hình kinh doanh của ai đó trong năm 2008, thì người đó là tứ tượng, là chủ nội. Còn việc kinh doanh là khách ngoại, đó có thể là Đảng mình hay Thần hậu hoặc Đại cát.

Các trường hợp sinh khắc giữa chủ khách khi dự báo theo Tam thân tứ tượng sẽ diễn biến như sau:

1. *Đảng mình: tính Mộc, nếu lâm Tý thủy* thì đặc tương sinh. Trong trường hợp này chủ là Tý thủy sinh khách là Đảng mình mộc, nên ngoại (khách) thịnh vượng, được sinh, sinh ở đây là sinh xuất (sinh xuất: mình sinh cho người, sinh nhập: người sinh cho mình).

Ví dụ khi dự báo việc chung vốn làm ăn với ai đó, nếu dự báo rơi vào tình trạng này thì ta vất vả, làm lợi cho bạn hàng.

2. *Đảng mình mộc lâm Mão mộc* thì chủ và khách hoà nhau, vì lưỡng mộc nên bình an.

Ví dụ khi dự báo về việc người kiện ta, nếu rơi vào trường hợp này thì sẽ đi đến kết cục hoà, không ai thắng ai. Ta không có gì phải lo lắng.

3. *Đảng mình mộc lâm Ngọ hoả*: khách mộc sinh chủ Ngọ hoả nên đặc tương sinh, nội thịnh vì khách sinh chủ, đây là sinh nhập.

Cũng ví dụ trên cùng chung vốn làm ăn với ai đó, khi dự báo rơi vào trường hợp này, ta lợi nhiều hơn đối tác, vì họ “sinh” cho ta.

4. *Đãng minh mộc lâm Dậu kim*: chủ kim khắc khách mộc, đây là khắc xuất (mình khắc người: khắc xuất; người khắc mình: khắc nhập), nội chủ thịnh, ngoại khách bị hãm. Ví dụ khi đi đòi nợ, gặp trường hợp này chủ nợ đòi được nợ.

5. *Thần hậu hoả lâm Tý thủy*: chủ thủy khắc khách hoả là khắc xuất, chủ nội thịnh ngoại tù. Ví dụ khi bị bệnh gặp quẻ này, người bệnh khắc được bệnh thì bệnh lui.

6. *Thần hậu hoả lâm Mão mộc*: khách hoả được chủ mộc sinh: tương sinh, nhưng mà sinh xuất (mình sinh cho người, mình sinh cho sự ...), ngoại thịnh, nội chủ có yếu đi.

7. *Thần hậu hoả lâm Ngọ hoả*: chủ khách đồng hành, tuy việc mà báo có thể bình an, hoặc không đi đến đâu cả.

8. *Thần hậu hoả lâm Dậu kim*: khách ngoại hoả khắc chủ nội kim, khách nhập, ngoại thịnh, nội bị hãm.

9. *Đại cát (Kim) lâm Tý (Thủy)* là quẻ Trạch Thủy Khốn. Khách sinh chủ: nội thịnh, sinh nhập.

10. *Đại cát (Kim) lâm Mão (Mộc)* là quẻ Trạch Lôi Tùy. Khách khắc chủ: khắc nhập, ngoại thịnh.

11. *Đại cát (Kim) lâm Ngọ (Hỏa)* là quẻ Trạch Hỏa Cách. Chủ khắc khách: khắc xuất, nội thịnh, ngoại hãm.

12. *Đại cát (Kim) lâm Dậu (Kim)* là quẻ Thuần Đoài. Khách chủ ty hòa, bình an.

d. Thông tin dự báo gặp Tam Thân Tứ Tướng.

Để có cơ sở đối chiếu khi dự báo qua Tam thân Tứ tướng, Quý Cốc tiên sinh đưa ra những tình huống sau đây:

- *Đặng minh lâm Tý*

Nội Thuỷ ngoại Mộc tương sinh. Ưu (buồn) tán, hỷ (vui) sinh.

Vạn sự giai thành.

Gặp bệnh bất tử, không lo.

Người thân phương xa chưa về, khách hẹn không đến.

Đường quan lộ: tất đắc (được).

Thai sinh: nam.

Hôn nhân thành, sống với nhau bách niên giai lão. Vạn sự như ý.

Tích xưa: khi Sở Bá Vương Hạng Vũ chống nhau với Hán Cao Tổ Lưu Bang, một hôm Hạng Vũ nhàn tản suy nghĩ miên man, bỗng gặp một ông già tên là Viên Tống Thành nhờ xem sự việc ra sao. Ông già đã dùng độn Quý Cốc này xem, rơi vào quẻ Đặng minh lâm Tý: thuỷ nội sinh ngoại mộc, tuy tương sinh nhưng chủ nội (Hạng Vũ) sinh ngoại (Lưu Bang), đây

là sinh xuất, ngoại thịnh, nên ông già không nói gì. Hạng Vũ hiểu ý quẻ đoán cho rằng Lưu Bang Hán Vương thắng Sở Vương. Hạng Vũ là bậc anh hùng thời đó, nên không tin điều đoán định này. Nhưng kết cục Hán thắng Sở thua.

Về quẻ này, có bài cổ phong sau:

*Đặng minh lâm Tý vị,
Hành mộc nhờ hành thủy.
Thai nghén sinh con trai,
Muôn việc đều như ý*

- Đặng Minh lâm Mão

Nội Ngoại cùng Mộc ty hoà.

Hữu thanh nhưng vô lượng (có mà không).

Đề phòng phái nữ.

Xem bệnh có yếu tố của tà động đến tổ tiên, do vậy ngoài thuốc thang ra phải cúng cầu.

Người thân đi chưa về, khách mời không tới.

Cầu tài khó khăn, cầu quan ngăn trở.

Nói người không nghe mình, tốt nhất không nói.

Hôn nhân cưới gả trực trặc, dễ ly tán.

Không nên xuất hành vì bất lợi.

Mọi việc ban đầu khó khăn ngăn trở sau mới thành đạt.

Vạn sự cát hung khó biết, nhiều khi muốn gì đều đạt mỹ mãn nhưng sau đó lại không hay.

Về quẻ này, có bài cổ phong như sau:

*Mão Dậu gặp Đặng minh,
Lưỡng mộc thấy rành rành.*

*Cầu quan cùng giá thú,
Muôn việc chẳng hanh thông.*

- ĐĂNG MINH LÂM NGỌ

Nội chủ Hoả, ngoại khách Mộc: tương sinh.

Thuận lợi cho quản lý điều hoà ở diện rộng,
mọi người đều có lợi.

Hưởng đạt tới việc quan chức được nhưng
chưa hiển vinh.

Cầu tài và việc hôn nhân nói chung là được.

Gặp bệnh qua khỏi.

Thai sản là con trai.

Mất mát có liên quan đến nữ goá chồng.

Người thân đi chưa về.

Về quẻ này, có bài cổ phong như sau:

Cung Ngọ gặp Đăng minh,

Áy là quẻ tương sinh.

Trộm là đàn bà goá,

Thai thời sinh trai lành,

Bệnh tật thời qua khỏi,

Cầu quan có công danh.

- ĐĂNG MINH LÂM DẬU.

Đăng Minh lâm Dậu khắc xuất, chủ nội
thịnh khắc ngoại khách - khách hãm, âm
dương bất hoà.

Có sự bất hoà trong quan hệ vợ chồng, hoặc
là vợ chồng ly tán, xa xôi cách trở ít nhất là ba
năm, sau lại hợp.

Thai sản sinh nữ.

Cầu công danh bị ngăn trở.

Bệnh có quan hệ phần âm.
Người đi xa chưa về.
Cửa mất ở phương Tây.
Về quê này có bài cổ phong như sau:
*Nội kim ngoại mộc nguy,
Thai nghén sinh nữ nhi.
Xem bệnh ôn binh ám,
Mất cửa dấu phương Tây,
Cầu quan thời ngăn trở,
Người đi mong chẳng về.*

- Thần Hậu Lâm Tỷ

Giải quyết sự việc ở nước ngoài rất khó khăn.
Thai sản con gái.
Đề phòng sông nước.
Cầu công danh có tài lộc.
Kiện tụng đến hoà thì xong (không nên
căng đến mức cùng vì không thu được gì cả).
Cửa mất ở phương Bắc.
Tìm người người về, mời người người đến.
Cầu việc tuy khó nhưng được.
Bệnh tật có liên quan đến ông bà.
Về quê này có bài cổ phong như sau:
*Thần hậu lâm Tỷ cung,
Thuỷ hoả tương khắc cung.
Thai ngen sinh con gái,
Đi thủy ngại cơn phong,
Mất cửa tìm phương Bắc,
Kiện cáo hoà thì xong,
Cầu quan có tài lộc,*

Câu việc khó xứng lòng.

- Thần Hậu lâm Mão

Nội chủ Mộc, ngoại Hoả khách: tương sinh.

Quan hệ mọi mặt có thể tin tưởng ở nhau.

Cầu người được tin dùng.

Cầu tài dặng.

Cầu quan đặc lộc, tương lai sang giàu.

Thi cử đỗ đạt.

Thai sinh con gái.

Hôn nhân hợp duyên.

Bị bệnh giải được.

Của mất phía Đông Bắc.

Kiện tụng chỉ đi đến hoà.

Về quẻ này có bài cổ phong như sau:

Thần hậu lâm Mão cung,

Là quẻ tương sinh song.

Sở cầu được như ý,

Mất của thấy phương Đông,

Mang thai sinh nữ tử.

Kiện cáo hoà là cùng.

- Thần Hậu lâm Ngọ

Nội ngoại đều Hoả: Tỵ hoà.

Mọi việc ban đầu khó khăn, gian nan sau dặng.

Người ra đi gọi về chưa về.

Cầu tài được nhưng không theo ý nguyện.

Cầu quan khó khăn.

Thai sinh con gái.

Của mất liên quan đến giới nữ tuổi cao, tìm ở phương Nam.

Bệnh gặp tinh ma, không chỉ thuốc thang
mà kết hợp với cầu thì khỏi.

Về quẻ này có bài cổ phong như sau:

*Thần hậu lâm Ngọ cung,
Lường hoả hoả tương nhân,
Người cháy làm bệnh nã,
Cầu tài chẳng có phần.
Mất của bà già lấy,
Đi theo phương Nam tìm,
Quan lộc thời ngăn trở,
Thai sinh con gái chân.*

- Thần Hậu lâm Dậu

Ngoại khách khắc nội chủ, ngoại thịnh,
nội hãm.

Quẻ Khuê "khuê giả cách dã": di cư, làm
ăn nơi xa mới tốt.

Sống chung với hai người nữ.

Thi cử đỗ đạt.

Cầu tài, buôn bán chưa thuận.

Kiện tụng không thành.

Thai sinh con gái.

Tìm người chưa thấy.

Cầu quan được nhưng sau thấy không
toại nguyện.

Của mất không tìm được.

Về quẻ này có bài cổ phong như sau:

*Thần hậu lâm Dậu cung,
Kim hoả tương khắc xung,
Bệnh tật cô dì ám,*

*Quan tụng việc chẳng xong,
Tìm người người chẳng thấy,
Mất của bỏ là cùng.*

- Đại cát lâm Tý

Khách ngoại sinh chủ nội - nội thịnh.
Mọi sự trước khó khăn sau thành đạt.
Hôn nhân giá thú trước sai lời sau được nên.
Cầu tài trước khó sau thành.
Cầu quan trước đây ngăn trở, sau có
trọng quyền.

Quan hệ chủ khách, các đối tác, có cùng một
niềm tin.

Cửa mặt nam nhân lấy để phía Đông Bắc.

Về quẻ này có bài cổ phong sau:

*Đại cát lâm Tý cung,
Kim thủy tương sinh cùng.
Cầu quan và các việc,
Trước khó về sau xong.
Mất trộm nam nhân lấy,
Họ để đất Đông Bắc.*

- Đại Cát lâm Mão

Khách ngoại khắc chủ nội - khắc nhập,
ngoại thịnh.

Cầu tài, cầu quan đạt.
Mời khách khách tới nhà.
Xuất hành không thuận lợi.
Hôn nhân đầu khó sau hoà.
Kiện cáo hoà là tốt.

Bệnh phát mùa thu khó qua, phát mùa
xuân hạ sẽ khỏi dần.

Của mất ở phương Đông.

Thai sinh con gái.

Về quẻ này có bài cổ phong như sau:

Đại cát lâm Mão cung,

Cầu tài ắt hẳn xong,

Mùa thu ốm không khỏi,

Xuân hạ bệnh khỏi dần,

Thai nghén sinh con gái,

Mất của người báo thông,

Kiện cáo hoà là quý,

Đôi khách một lòng chung.

- Đại Cát lâm Ngọ

Chủ nội khắc khách ngoại - khắc xuất,
nội thịnh ngoại hãm.

Cầu hôn nên, mời khách khách đến,
mình chưa yên.

Tìm người người về đến gần.

Kiện tụng thì đạt lý, thắng.

Của mất ở phương Nam.

Thai sinh con gái.

Về quẻ này có bài cổ phong như sau:

Đại cát lâm cung Ngọ,

Ốm bời dì cô đó,

Cầu tài cũng được tài,

Kiện cáo thời thắng lý.

Mất của con gái thâu,

*Dấu ở phương Nam nọ.
Cầu khách khách đến chơi,
Sinh gái chẳng còn ngờ.*

- Đại Cát lâm Dậu

Khách chủ ty hoà. Cầu quan khó khăn, khó theo ý nguyện.

Hôn nhân khó thuận. Kinh doanh khó khăn. Bệnh phát mùa thu sẽ qua. Cầu tài khó thành.

Liên kết với người không đặng.

Của mất phương Tây Bắc.

Chưa có thai sinh.

Xuất hành có trở ngại.

Về quẻ này có bài cổ phong như sau:

Đại cát lâm Dậu cung,

Xem bệnh cô di cùng,

Mùa thu thời không mất.

Mất của đàn bà manh,

Cầu trời không được tốt.

Cầu người cũng chẳng thành.

Tổng kết: dự báo qua Tam thân tứ tướng khi 3 thân là Đấng minh, Thần hậu, Đại cát lâm vào các cung (hay 4 tướng) là: Tý hay Ngọ, hoặc Mão hay Dậu như trên sơ đồ địa bàn sau đây, còn nếu 3 thân không rơi vào 4 cung Tý hay Ngọ, Mão hoặc Dậu là không có cách dự báo này mà phải dự báo theo Mệnh, Trọng, Quý.

Sơ đồ địa bàn dự báo theo Tam thân tứ tướng:

Tý ↓	NGỌ 1.Đăng minh 2.Thần hậu 3.Đại cát	Mùi	Thân
Thìn	Sơ đồ địa bàn dự báo khi có dấu hiệu một trong Tam thân rơi vào các cung: Tý hoặc Ngọ, hay Mão hoặc Dậu. Trường hợp này là dự báo qua Tam thân tứ tướng.	DẬU-T.5 1.Đăng minh 2.Thần hậu 3.Đại cát	
MÃO -Tháng11 1.Đăng minh 2.Thần hậu 3.Đại cát		Tuất Tháng 4 và 6	
Dần Tháng10và12 ↓	Sửu Tháng 1 và 9	TÝ-T.2và8 1 Đăng minh 2. Thần hậu 3. Đại cát	Hợi Tháng3 và 7 ←

3. Dự báo theo Mệnh, Trọng, Quý

A. NGUYÊN LÝ VÀ CÁCH DỰ BÁO

Khi dự báo, có trường hợp Tam Thân không rơi vào Tứ tướng (cung Tý, cung Ngọ và Mão Dậu), trường hợp này, Quý Cốc Tử đưa ra cách dự báo theo Mệnh, Trọng, Quý khi: Sao Thiên cương rơi vào mọi vị trí thời gian từ Tý đến Hợi. Các tình huống có thể xảy ra như sau:

- Thiên cương lâm cung: Dần, Thân, Ty, Hợi là có quẻ: Mệnh

Sơ đồ địa bàn dự báo có quẻ Mệnh:

↓ Tỵ ↓ Thiên cương	Ngọ	Mùi	Thân Thiên cương
Thìn	↔ Địa bàn quẻ Mệnh ↔		Dậu
Mão	↔		Tuất
Dần Thiên cương	Sửu	Tý	Hợi Thiên cương

- Thiên cương lâm cung : Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là có quẻ: Trọng.

Sơ đồ địa bàn dự báo có quẻ Trọng:

Tỵ	Ngọ	Mùi Thiên cương	Thân
Thìn Thiên cương	↔ Địa bàn quẻ Trọng ↔		Dậu
Mão	↔		Tuất Thiên cương
Dần	Sửu Thiên cương	Tý	Hợi

- Thiên cương lâm cung: Tý, Ngọ, Mão, Dậu là có quẻ Quý.

Sơ đồ địa bàn dự báo có quẻ Quý:

Ty	Ngo Thiên cương →	Mùi	↑ Thân
Thìn	→ Địa bàn quẻ Quý ↓ ←		Dậu Thiên cương
Mão Thiên cương			Tuất
Dần	← Sửu	Tý Thiên cương	Hợi ←

Căn cứ vào quẻ: Mệnh, Trọng, Quý mà Quý Cốc Tử đưa ra mà dự báo.

Ngoài ra còn có trường hợp đặc biệt dự báo theo: Mệnh, Trọng, Quý khi:

- Đàng minh lâm: Tý, Ngọ, Mão, Dậu là: quẻ Mệnh.

- Thần hậu lâm: Tý, Ngọ, Mão, Dậu là: quẻ Trọng.

- Đại cát lâm: Tý, Ngọ, Mão, Dậu là quẻ Quý.

Dự báo theo Mệnh, Trọng, Quý khi muốn biết cụ thể về: kinh doanh, hôn nhân, sinh tử, thăm hỏi.

Để hiểu rõ hơn có thể qua ví dụ sau:

Ví dụ 1: Xem xét tình hình hôn nhân ra sao, cho biết lúc dự báo: ngày 15 âm tháng chạp giờ Tuất

Ty	Ngọ	Mùi	Thân
Thìn Chuyên tống	Địa bàn dự báo cho ví dụ 1		Dậu Tháng 5 <i>Đại cát</i>
Mão Tháng 11			Tuất Tháng 4 - 6
Dần Tháng: 10-12	Sửu Tháng 1 - 9	Tý Tháng 2-8 <i>Thiên cương</i>	Hợi Tháng 3 - 7

- Khởi cung Dần là tháng Giêng, vậy tháng Hai cung Mão, ... vậy tháng Chạp cung Sửu.

- Khởi ngày mồng 1 ở cung Sửu, mồng 2 cung Dần, ... vậy ngày 15 ở cung Mão.

- Khởi giờ Tý ở cung Mão, giờ Sửu cung Thìn, ... vậy giờ Tuất (giờ dự báo) ở cung Sửu. Từ cung Sửu: **lùi lại một cung**: tức cung Tý, chính là nơi đóng của Sao Thiên cương. Vậy Thiên cương Lâm Lý, ta có sự kiện dự báo ở TTKG (quẻ): Quý, như đã nêu trên đây.

Bước 2: Dự báo: tìm mục về hôn nhân để dự báo, ở đây là mục 8, phần Quý có ghi: không đặng, vui ít, buồn nhiều.

Lưu ý: Khi an sao, ta thấy ở vị trí trên, Đại cát lâm Dậu, vậy cũng có Tam thần Lâm tứ tướng. Ta căn cứ vào mục "Đại cát lâm Dậu" mà dự báo (xem phần hôn nhân). Khi xem xong, ta thấy hai kết quả như nhau.

Ví dụ 2: *một người muốn biết quan hệ kinh doanh với đối tác như thế nào? lúc đó xem lịch là ngày 29 tháng 3 năm Đinh Hợi, giờ Ngọ (11h10).*

Cách làm như sau:

Bước 1: lập sơ đồ địa bàn thời gian: 29/3/giờ Ngọ :

Ty Ngày 29/3→ Giờ: Tý→	Ngọ →G. Sửu→	Mùi → G. Dần→	Thân →G. Mão→
Thìn Mồng 4...	→		Dậu →G. Thìn→
Mão Mồng 3	←		Tuất →G. Ty→ ThiênCương
Dần Mồng 2	Sửu T.3: Mồng 1	Tý T.2	Hợi-Tháng3 T.Giêng →G. Ngọ

Bước 2: xác định vị trí sao Thiên cương đóng ở cung (ô) nào trên địa bàn. Vì sự việc đoán định ở tháng 3, nên tháng Giêng sẽ ở cung Hợi (cung của tháng 3 và tháng 7). Từ đây theo chiều thuận kim đồng hồ, ta xác định tháng 3 ở trên địa bàn là cung Sửu, vậy ngày mồng 1 ở đây. Tiếp mồng 2 cung Dần, mồng 3 cung Mão, mồng 4 cung Thìn, mồng 5 cung Ty,...và ngày 29/3 ở cung Ty. Từ cung Ty của ngày 29, ta khởi giờ Tý và đếm thuận theo chiều kim đồng hồ, vậy giờ Ngọ (giờ lúc hỏi) ở cung Hợi.

Tìm sao Thiên cương: theo Quỷ Cốc tiên sinh, từ cung giờ dự báo tìm được trên địa bàn, ta **lùi một cung**, cung đó chính là nơi Thiên cương đóng.

Theo ví dụ trên, từ cung Hợi ta lùi một cung: vậy Thiên cương lâm cung Tuất, theo quy định nói trên, trong trường hợp này ta có quẻ Trọng. Xem mục 2: dự báo về kinh doanh: *có Trọng buôn bán có lãi, phạm vi kinh doanh được mở rộng*, vậy hai bên cộng tác với nhau làm ăn thịnh vượng.

Ví dụ 3: cần biết tình hình sinh sống của thân nhân ở nước ngoài, giờ xem lúc 14h chiều (giờ Mùi), ngày 15 tháng 5.

Cũng như ví dụ 1, ta lập sơ đồ địa bàn ngày 15/5 giờ Mùi:

Ty G. Dần	Ngọ G. Mão	Mùi G. Thìn	Thân G. Ty
Thìn G. Sửu			DẬU T. Giêng G. Ngọ Thiên cương
Mão Mồng 3... Ngày 15/5. G. Tý			Tuất T. 2 G. Mùi
Dần Mồng 2	Sửu T. 5. Ngày: 1	Tý T. 4	Hợi T. 3

Cũng làm như ví dụ 1, Tháng Giêng ở cung Dậu (cung dành cho tháng 5), từ đây tính ngày mồng 1, tính thuận theo chiều kim đồng hồ, ngày 15/ 5 ở cung Mão. Từ cung Mão ta khởi giờ Tý...đến cung Tuất là giờ Mùi. Từ cung Tuất-giờ Mùi ta lùi một cung: là cung Dậu chứa Thiên cương. Như vậy Thiên cương lâm Dậu: ta có quẻ Quý.

Xem mục 7: dự báo người thân ở phương xa: gặp Quý: hiện họ sống không bình thường, cuộc sống khó khăn, làm ăn không như ý.

B. TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Theo Quỷ Cốc tiên sinh, có lúc Tam thần cũng cho phép đoán quẻ theo Mệnh, Trọng, Quý, như:

- Đẳng minh lâm Tý, Ngọ, Mão, Dậu là quẻ Mệnh.

- Thân hậu lâm Tý, Ngọ, Mão, Dậu là quẻ Trọng.

- Đại cát lâm Tý, Ngọ, Mão, Dậu là quẻ Quý.

Khi dự báo, nếu gặp trường hợp như trên, ta căn cứ vào các mục Mệnh, Trọng, Quý để luận bàn.

C. THÔNG TIN DỰ BÁO GẶP MỆNH, TRỌNG, QUÝ

1. Dự báo về sự bình yên

Gặp ở Mệnh: không còn lo lắng.

Nếu có Trọng thì có tin vui.

Nếu có Quý: vật hại, nhân vong.

2. Dự báo về kinh doanh

Có Mệnh: buôn bán phát đạt.

Gặp Trọng: buôn bán có lãi, mở rộng phạm vi buôn bán với bên ngoài.

Gặp Quý: kinh doanh không thuận lợi, có khi tay trắng.

3. Dự báo về cầu tài

Nếu gặp Mệnh: người có tin mừng; Nếu có Trọng hai bên đối tác cùng trao đổi cái lợi. Gặp Quý: công việc bất thành.

4. Dự báo việc tuyển người

Gặp Mệnh: việc tuyển lành, thuận lợi.

Nếu có Trọng: tuyển được, mọi việc bình thường.

Nếu có Quý thì việc tuyển không thành.

5. Dự báo việc thăm hỏi

Xem nơi ta đến người có nhà hay không và thái độ họ thế nào.

Nếu có Mệnh: có nhà, thái độ vui vẻ khi gặp.

Nếu có Trọng: chủ nhà đương về, chờ sẽ gặp.

Nếu có Quý: chủ nhà đi vắng, chưa về.

6. Dự báo người về

Nếu gặp Mệnh thì sắp về tới nơi. Gặp Trọng còn đang trên đường. Gặp Quý nội trong ngày sẽ về.

7. Dự báo người thân ở phương xa

Có thể nắm bắt cuộc sống người thân ở phương xa.

Nếu gặp Mệnh thì mọi việc an bình.

Nếu là Trọng thì cuộc sống luôn luôn vui vẻ.

Còn là Quý, có thể trở thành người bất bình thường, không hay.

8. Dự báo về hôn nhân

Nếu là Mệnh nhân duyên đẹp đẽ, cuộc sống hài hoà. Trọng thì xứng đôi, Quý thì không đặng, vui ít buồn nhiều.

9. Dự báo về tử sinh

Nếu có Mệnh, thì đang thập tử nhất sinh.

Gặp Trọng thì bệnh nhẹ, không lo.

Gặp Quý thì khó bề qua khỏi, sự ra đi đã cận kề.

10. Dự báo về chiêm bao

Nếu gặp Mệnh: đề phòng tai nạn.

Có Trọng: nhiều niềm vui.

Gặp Quý: vạn sự lành, không có gì xảy ra.

11. Dự báo gặp bạn cũ

Có Mệnh: chủ khách tương phùng, nhưng chỉ là ngoại giao.

Gặp Trọng: vui mừng, hoan hỷ thực lòng.

Gặp Quý: chủ khách không mặn mà, đãi bồi.

12. Dự báo về công danh

Nếu có Mệnh: cầu công danh được, lại sang, nhưng có ảnh hưởng đến vợ con.

Nếu gặp Trọng: gặp người tiến đỡ, sau đó thành đạt, vinh quang.

Nếu gặp Quý: chỉ có mong chờ, càng ngày càng tốn của, tốn công mà hy vọng rất mỏng manh.

13. Dự báo về quyết định một việc gì đó (nên chớ)

Nếu gặp Mệnh vị tất đã thành.

Gặp Trọng thì nên quyết định.

Nếu gặp Quý thì tiến hành gặp nhiều tri trệ, khó khăn.

14. Dự báo về phải tiếp xúc với người nào đó

Khi dự báo có Mệnh, người gặp là tri thức, bậc lãnh đạo hay người có tu luyện, bậc tăng nhân.

Nếu có Trọng là người đứng đắn, hoặc người kinh doanh.

Nếu gặp Quý là người không bình thường, tâm địa đen tối.

15. Dự báo gặp người kinh địch với mình

Nếu gặp Mệnh: người còn oán hận.

Nếu gặp Trọng thì ác manh.

Nếu gặp Quý cần đề phòng vì có tương tranh.

16. Dự báo khi nghe thông tin từ ai đó

Nếu gặp Mệnh, đó là những lời nói có nội dung tào lao.

Nếu gặp Trọng là lời nói thực.

Gặp Quý: không nên tin.

17. Dự báo khi cần đuổi kịp ai đó

Nếu có Mệnh thì đuổi kịp.

Gặp Trọng phải rất lâu mới thấy.

Nếu có Quý thì không bao giờ tìm thấy.

18. Dự báo khi cần né tránh ai đó

Khi né tránh ai đó, gặp Mệnh thì bình an.

Nếu có Trọng dù có né tránh đến đâu cũng bị tìm thấy.

Nếu gặp Quý thì không thể né tránh được, phải tiếp xúc trực diện.

19. Dự báo tìm thuyền

Người xưa khi mất thuyền, một phương tiện giao thông, thường xem có tìm lại được hay không.

Nếu gặp Mệnh thì thuyền đang đỗ nơi khúc sông bên cạnh.

Nếu gặp Trọng thì thuyền đang đi trên sông.

Nếu gặp Quý thì coi như đã mất không thể biết đâu mà tìm.

20. Dự báo lên gặp quan

Người xưa khi có lệnh lên gặp quan, muốn biết chuyện lành hay dữ, nếu:

Gặp Mệnh thì đó là vị quan anh minh lỗi lạc.

Nếu gặp Trọng thì ta cùng quan đồng thuận.

Nếu gặp Quý thì hai bên vui vẻ.

21. Dự báo việc thuê được người hay không?

Nếu gặp Mệnh thì thuê được người tư chất rất tốt.

Nếu gặp Trọng thì thuê được.

Nếu gặp Quý thì không thuê được.

21. Xem diễn tiến công việc đang làm sẽ thế nào

Khi đang tiến hành một công việc nào đó có liên quan đến nhiều người mà thời gian tiến hành lại dài, người ta thường nghi hoặc. Để biết xem sự tình thế nào, có thể dự báo qua Mệnh, Trọng, Quý, như:

Nếu gặp Mệnh: kết quả không đo đến đâu.

Nếu gặp Trọng: mọi việc có kết quả, có thành công.

Nếu gặp Quý: gặp khó khăn ngăn trở, dùng dằng lúc làm lúc không.

23. Xem khách có đến nhà mình hay không.

Nhiều khi mời khách, mình chuẩn bị tiếp đón, nhưng họ đến hay không đến cũng là vấn đề cần biết. Do vậy:

Nếu gặp Mệnh: khách không đến.

Nếu gặp Trọng: khách đang đến độ nửa đường.

Nếu gặp Quý: khách đã đến gần nhà, đang hỏi thăm nhà mình.

25. Xem tình hình bệnh tật.

Có lúc nơi xa hoặc thân nhân đang bị bệnh trọng, muốn xem tình hình bệnh như thế nào, nếu:

Gặp Mệnh: đang thập tử nhất sinh.

Nếu gặp Trọng: bệnh nhẹ, không đáng lo.

Nếu gặp Quý: không cứu vãn được nữa.

26. Xem mất của mất đồ.

Trong trường hợp còn đang bán tín bán nghi khi mất của, nếu:

Gặp Trọng: có nam và nữ tham gia lấy đi.

Nếu gặp Trọng: do bạn bè hay người quen biết lấy đi.

Nếu gặp Quý: do người phụ nữ lấy, đã đem ra ngoài.

27. Xem giấc mơ lạ.

Giấc mơ cũng có những bí ẩn, có khi có những giấc mơ lạ, nếu:

Gặp Mệnh: đề phòng tai nạn hoặc sự oan uổng.

Gặp Trọng: có tin vui lớn.

Gặp Quý: có nhiều chuyện lành.

28. Mơ thấy rắn.

Gặp Mệnh: có thể có điều không hay.

Gặp Trọng: coi như không có chuyện gì, mọi việc bình thường.

Gặp Quý: nên quan tâm đến cúng giỗ các bậc tiền nhân là cô dì chú bác.

29. Xem việc tự nhiên nóng mặt.

Gặp Mệnh: có thể có điều không hay xảy ra.

Gặp Trọng: có tin vui.

Gặp Quý: sắp có khách đến chơi.

29. Tự nhiên ừ tai xem thế nào.

Gặp Mệnh: có tin vui.

Gặp Trọng: sắp có khách đến thăm.

Gặp Quý: đề phòng mất tiền của.

4. Một huyền thoại về sự linh nghiệm của phép độn Quỷ cóc

Thời nhà Đường triều vua Đường Thái Tông (0626-0649) Trung Hoa Cổ Đại, có một cao sĩ ở ẩn không rõ danh tính, sống sau ngài Quỷ Cốc tiên sinh gần 2000 năm, hẳn chắc

ngài học được bí thuật độn toán của Quỷ Cốc tử, nên cũng tự xưng mình Quỷ Cốc, nghe nói thuật độn toán của ông rất siêu quần. Hẳn chắc do lời đồn về tài danh của ông, nên một hôm có một nam nhân mặc áo xanh (một màu áo mà các thuật sỹ phái Đạo gia hay mặc) đến gặp Quỷ Cốc và nói trước rằng:

- Nghe nói ngài biết trước nhiều điều về sự đời rất linh nghiệm. Vậy đại thể ngài xem và biết trước được những điều gì? Và xin hỏi ngài: ngài có biết được những chuyện xảy ra thường ngày của trời đất, sông biển không?

Quỷ Cốc bình thản và nghiêm nghị trả lời:

- Biết lắm chứ! Người như tôi trên phải thông Thiên văn, dưới tường Địa lý và sự thay đổi biến chuyển của đất trời. Do vậy, từ đất lên, từ trên trời xuống tôi đều biết trước cả.

Người áo xanh bèn nói ngay với một thái độ vừa thử vừa đùa:

- Thầy vừa nói là thầy biết tất cả! Vậy xin ngài độn toán cho một quẻ ngày mai trời đất sẽ thế nào?

Quỷ Cốc ung dung và thản nhiên đáp:

- Ngày mai sẽ có mưa nhiều độ 3 thước nước, trong khi mưa tự nhiên có đám mây trắng kéo từ bên Đông sang bên Tây rồi sau đó mưa tạnh ráo.

Người áo xanh nghe xong liền cao giọng nhưng ôn tồn mà nói rằng:

- Nếu quả như lời ngài nói mà đúng như vậy, tôi xin biếu ngài ngàn vàng, nếu không đúng như vậy thì ngài sẽ thế nào?

Quý Cốc lại ung dung đáp một cách dứt khoát:

- Thưa ông, nếu tôi nói không đúng thì tôi xin chết trước mặt ông!

Thực ra người áo xanh kia chính là Long Vương chịu trách nhiệm làm mưa làm gió trước Ngọc Hoàng. Ông ta nghe danh tiếng độn toán của Quý cốc mà giả làm người phạm để trị cái lỗi “cầm đèn chạy trước người” mà bản thân lại không có năng lực làm ra mưa gió. Sau cuộc tiếp kiến, chủ khách xa nhau.

Nửa đêm hôm đó, trên Thiên đình, Ngọc Hoàng lệnh cho thiên sứ mang chiếu lệnh xuống thủy cung, lệnh cho Long Vương ngay lập tức ngày mai làm mưa 3 thước, điều mây trắng từ Đông sang Tây rồi phải ngừng mưa.

Long Vương tiếp chiếu, giật mình khen Quý cốc “danh bất hư truyền”, giỏi thật! Bỗng nghĩ lại cuộc hội ngộ và cam kết đôi bên lúc sớm hôm nay, nếu làm mưa 3 thước, điều mây trắng từ Đông sang Tây rồi cho tạnh mưa thì mình thua cuộc, bẽ mặt, lại tiếc của lớn là mất ngàn vàng! Nhưng trái lệnh không làm mưa thì quyết không được, và nghĩ: “Ta chỉ làm mưa nhưng chỉ 2 thước rưỡi nước chứ không phải là 3 thước như Quý cốc khẳng định. Làm như vậy

ta không những không mất ngàn vàng mà còn trị cho Quý cốc một trận để cho chữa cái thói quyết đoán kia về chuyện của trời đất!”

Nghĩ như vậy, đúng hôm sau Long vương thi hành ngay lệnh làm mưa của Ngọc Hoàng ban ra, nhưng chỉ cho mưa có 2 thước rưỡi. Làm xong mọp này, Long Vương đắc chí đến gặp Quý cốc và nói luôn:

- Ngài độn toán sai rồi, chuyện mây thì đúng nhưng chuyện mưa thì sai! Tôi mượn cái đầu của ngài! Ngài có chịu tội với tôi không?

Quý Cốc điềm nhiên và chậm rãi nói:

- Chính ông mới sắp mất đầu đến nơi mà không biết lại còn đi dọa người. Tôi tiết lộ tin cho ông hay, ông trái mệnh trời, nên tướng Ngụy Trung sắp xuống chém đầu Thanh Long tức là chém đầu ông đó! Ông chó nhiều lời.

Long vương tất nhiên hiểu ra sự tình, sợ quá phục xuống quỳ lạy Quý cốc và van nài:

- Chính tôi là Thanh Long tức Long Vương. Tôi đã phạm tội Trời trái mệnh Ngọc Hoàng Thượng đế, không những thế đã phạm đến Ngài. Nay đã biết tội, xin ngài gia phúc giải cứu cho!

Quý cốc đáp:

- Tội ông thật đúng ra không thể cứu được, án đã thành rồi. Nhưng nể tình chỉ còn một cách may ra cứu thoát ông chăng. Đường Thái

Tông là bậc Đế Vương, chân mệnh Thiên tử. Ông Ngụy Trung là tể tướng bề tôi của vua Thái Tông, Ngày mai, đúng giờ Ngọ, Ngọc Hoàng sai phái Ngụy Trung xuống Thủy cung giết ông, đến đúng giờ thi hành án, chỉ có vua Đường tìm cách giữ Ngụy Trung lại thì án không thi hành, ông có thể được cứu.

Nghe lời cao kiến của Quý cốc, Long vương lập tức thay hình đổi dạng thành một viên tướng vào yết kiến vua Đường Thái Tông, đem hết đầu đuôi sự việc mình là Long Vương đã trái lệnh trời kể cho Thái Tông và xin cứu giúp.

Đường Thái Tông nghe xong chuyện thấy kỳ lạ, nhưng lại có cảm tình với Long Vương, cũng là bậc đế vương nơi sông biển, nên nghĩ cách cứu. Ngay sáng hôm sau, vua Đường Thái Tông cho triệu Ngụy Trung vào cung, vua hỏi hết điều này đến điều khác, sau đó lại cho dự yến tiệc cùng vua. Sắp đến giờ Ngọ, Ngụy Trung xin phép vua về nhà để nghỉ vì thấy trong mình khó chịu, nhưng vua lại nài ép truyền cho Ngụy trung phải chơi cờ cùng mình. Ngụy Trung không dám trái lệnh đành miễn cưỡng nghe theo. Vua thấy vậy lấy làm mừng thầm và khoái cảm, cho rằng phen này đã thành công cứu Long Vương, vì giờ Ngọ rất nhanh sắp đến gần. Đang cùng vua say xưa đánh cờ, càng đánh Ngụy Trung càng phẩn

khích say xưa, bỗng ông ngồi ngay ngắn bất động, mắt nhắm nghiền, miệng phát ra tiếng ngáy nhẹ nhẹ, ông đã ngủ say. Khoảng khắc ngủ say này của Ngụy Trung chỉ diễn ra trong chốc lát và rất nhanh (ngày nay gọi là khoảng 5-6 giây đồng hồ). Sau khi tỉnh lại, Ngụy Trung vẫn đánh cờ như thường, dường như ông không cảm nhận được là trước đó một thoáng mình đã ngủ gật.

Đang trong tâm trạng vui vui đánh cờ với Ngụy Trung, nhưng thấy hiện tượng viên tể tướng của mình có một thoáng ngủ gật, Đường Thái Tông thấy có cái gì đó khác thường, bèn nhìn kỹ Ngụy Trung, bỗng phát hiện ra thanh kiếm của Ngụy Trung có vết máu, vua bèn thương cảm than thầm một mình rằng: Long Vương đã bị giết, mình thật là bất lực!

Câu chuyện trên có chủ ý thông điệp cho người đời cái linh diệu của phương pháp độn toán của Quỷ Cốc tiên sinh, chứ sự thực thì rất đáng ngờ. Nhưng chỉ một thoáng nghi ngờ thôi cũng làm cho người đời của mọi đời đáng để suy ngẫm về cái diệu lý trong dự báo của người Trung Hoa cổ xưa.

Câu chuyện thứ hai này chắc có độ tin cậy cao, vì thời Trung Hoa cổ đại, trên thực tế có nhiều ẩn sỹ đạo cao, đồng thời họ có nhiều khả năng dự báo tương lai chính xác. Đó là chuyện

một ẩn sỹ dự báo tương lai cho Lưu Bị khi cất quân đánh Đông Ngô của Tôn Quyền, báo thù cho Quan Vân Trường và Trương Phi là anh em kết nghĩa vườn đào bị Quyền giết chết.

Một lần sau khi Tiên chủ Lưu Bị quyết chí báo thù cho hai em là Quan Vân Trường và Trương Phi bị Tôn Quyền giết chết, nên đã mang đại quân tiến đánh Đông Ngô. Tuy căm thù Đông Ngô cao độ, nhưng Tiên chủ vẫn thương cảm hai bên nên ngày đêm khóc lóc. Thấy vậy, một viên quan thân cận của ngài là Mã Lương không yên lòng nói: *“Thiên tử cầm quân đi sang đánh Đông Ngô mà cả ngày cứ khóc lóc thế này, tôi e rằng mang quân đi không được lợi”*. Một viên quan khác là Trần Chấn nghe xong nói:

- Tôi nghe ở núi Thanh Thành, thuộc địa phận Thành Đô, có một người tên là Lý Ý, sống lâu đến hàng trăm năm, biết được số người ta sống chết, biết được chuyện lành dữ, cũng là một tiên ông đời nay. Chúng ta nên tâu với Tiên chủ (Lưu Bị), mời ông cụ ấy lại hỏi xem việc lành dữ ra sao, còn hơn chúng ta cứ can ngăn.

Nói xong, cả hai vào tâu với Tiên chủ, Tiên chủ nghe lời, sai Trần Chấn mang chiếu thư đến núi vờ ông cụ ấy.

Trần Chấn phụng mệnh đi triệu, sai thổ dân đưa đường xuyên rừng xuyên núi...Cuối cùng

cũng đến gần một toà nhà, Trần Chấn ngấm nhìn xung quanh, thấy mây thanh khí mát, phong cảnh thật lạ lùng, đúng là một nơi tiên cảnh. Khi đến gần gõ cửa, thì một tiểu đồng chạy ra đón, nói rằng:

- Ông có phải là Trần Chấn đó không?

Trần Chấn giật mình, hỏi:

- Tiểu đồng sao lại biết cả họ tên ta thế?

Tiểu đồng đáp:

- Thấy tôi hôm qua nói hôm nay tất có chiếu mệnh thiên tử đến đây, sứ giả có tên là Trần Hiếu Khởi (tên hiệu của Trần Chấn).

Trần Chấn thốt lên:

- Thế mới thực là tiên! Lời đồn quả là không ngoa chút nào!

Thế rồi cùng tiểu đồng vào nhà trong ra mắt Lý Ý. Chấn đưa trình tấu thư, nhưng Lý Ý từ chối đi vì tuổi già sức yếu.

Trần Chấn nói:

Thiên tử muốn được tiếp tiên ông lắm, xin tiên ông chớ quản công xe hạc, đi cho một chút.

Lý Ý nhất định không đi. Trần Chấn khẩn khoản hai ba lần, ông mới chịu.

Khi đến ngụ doanh, Lý Ý vào yết kiến Tiên chủ.

Tiên chủ Lưu Bị trông thấy người ấy đầu bạc phơ, mà mặt mũi trông còn trẻ, mắt biếc còn

người vuông sáng quắc như mặt gương, hình thù thì gầy gò nhưng rắn chắc như cây bách thụ. Tiên chủ biết là người lạ, nên tiếp đãi rất tử tế. Lý Ý râu rắng:

- Lão phu là một người già nơi quê mùa, ngu si đần độn, bệ hạ cho triệu đến, không biết ngài có điều gì truyền bảo đây?

Tiên Chủ nói:

- Trẫm cùng Quan, Trương hai em kết nghĩa sống chết hơn 30 năm rồi. Nay chẳng may hai em bị hại, trẫm thân cầm đại quân đi đánh báo thù, chưa biết hay dở ra sao. Nghe tiên ông thông hiểu huyền cơ của tạo hoá, xin bảo cho biết trước thì hay lắm.

Lý Ý đáp:

- Đó là ý trời, lão phu sao mà biết được!

Tiên Chủ cố hỏi gặng hai ba lần, Lý Ý mới xin giấy bút rồi vẽ những binh mã khí giới hơn 40 tờ, cứ vẽ xong một tờ lại xé vụn cả ra. Lại vẽ một người to lớn khác thường nằm ngay trên mặt đất, bên cạnh có một người đào đất để chôn, mé trên viết một chữ “Bạch” rất lớn.

- Vẽ xong, Lý Ý cúi đầu lặng lẽ ra đi.

Tiên Chủ thấy vậy tỏ ra không bằng lòng, bèn bảo với quần thần rằng:

- Lão này chẳng qua là một người điên, tin làm quái gì!

Bèn hạ lệnh đem đốt tất cả 40 tờ giấy vụn đó đi, rồi giục quân tiến lên đánh Đông Ngô.

Sau đó không lâu, lời tiên đoán bằng lối vẽ tranh của Lý Ý ứng nghiệm. Lục Tốn một danh tướng của Đông Ngô, lợi dụng sự sai sót về binh pháp của Tiên Chủ như: cho đóng quân thành 40 trại cạnh kề nhau trong bìa rừng khi thời tiết vào mùa Hạ nóng nực, nên Lục Tốn đã dùng mẹo hoả công mà đốt sạch trong nháy mắt. Quân lương vũ khí của Tiên Chủ bị giết, bị đốt sạch. Tiên Chủ thất bại thảm hại chạy ra thành Bạch Đế để lánh nạn rồi chết chôn ở đó. Sự thật này ứng nghiệm với 40 bức tranh vẽ quân lính, khí giới, ngựa chiến... bị Lý Ý xé vụn rồi sau đó bị chính Tiên Chủ nổi cáu hạ lệnh cho thủ hạ đốt sạch. Còn bản thân Tiên Chủ bị chết và chôn ở thành Bạch Đế: chính là bức vẽ mà Lý Ý mô tả người to lớn (biểu trưng “ông lớn”, là vua) nằm trên mặt đất, bên trên có chữ “Bạch” (thành Bạch Đế) to.

Tương truyền rằng, Lý Ý đã dùng thuật Độn toán của Quỷ Cốc tử mà tiên đoán cho những lời hỏi của Tiên Chủ Lưu Bị trước đó không lâu.

IV. XUẤT HÀNH THEO ĐỘN QUÊ TIÊN

Người xưa rất quan tâm đến cái sự thành hay không khi ra khỏi nhà để giải quyết công

việc. Do vậy họ đã xây dựng nên cả một hệ dự báo cho vấn đề xuất hành. Có tài liệu cho rằng, cách dự báo khi xuất hành do các vị tu tiên làm ra. Các vị tiên trong lịch sử Đạo gia Trung Hoa cổ đại thì rất nhiều, điển hình là: Lý Thiết Quài, Hán Chung Ly,... Nhưng vị nào làm ra hệ dự báo này thì không rõ, nhưng người đời xưa cứ gọi là độn quẻ tiên hay đoán định cho xuất hành.

Nội dung của phương pháp độn này như sau:

1. Quan hệ của thời (giờ) trong một ngày đêm ứng với 12 sao

Theo cổ nhân, trong 12 giờ của một ngày đêm có 12 sao tương ứng thay nhau chiếu xuống Trái Đất. Trong sự chiếu này có sao tốt sao xấu tùy theo việc làm của mỗi người. Cổ nhân phát hiện ra tùy theo ngày Địa Chi (như ngày Tý, ngày Thìn....) mà có những giờ trong ngày ấy được sao cát chiếu, có những giờ sao hung chiếu. Căn cứ vào phát hiện này mà người ta chọn giờ tốt tránh giờ xấu khi xuất hành làm một việc gì đó. Tương ứng với mỗi một sao này, cổ nhân gán cho một quẻ. 12 sao hay 12 quẻ ứng với 12 giờ của một ngày đêm là:

Sơ đồ dịch chuyển theo thứ tự của 12 sao qua 12 giờ của một ngày đêm:

Thái thường	Thái âm	Thiên không	Huyền vũ
Bạch hổ	↑	→	Thiên hậu
Châu tước			↓
Đằng sà	Câu Trần	Lục hợp	Thanh long

Tính chất của mỗi sao ứng với mỗi giờ (tuỳ theo ngày sẽ trình bày sau đây) như sau:

1.1. Quả Quý nhân:

Còn gọi là sao Thiên hợp, là một cát tinh. Nếu ra đi vào giờ này thường gặp tiệc tùng, ăn uống. Nếu là việc hôn nhân sẽ mãn nguyện, việc quan gặp may mắn, cầu tài có lợi, đi đến nơi về đến chốn, nếu đi tìm người sẽ thấy người, nếu thực hiện công việc thì công việc tiến triển tốt, ốm đau (trên đường) sẽ mau khỏi. Nếu mất của trên đường đi có liên quan đến nữ, vụ mất này của giấu ở phương Tây Bắc, sẽ tìm thấy ngay.

Về tính chất sao Quý nhân: là một cát tinh. Luận về người là dạng công chức, hàng

quý phái; là người cung ứng cái gì đó (hàng hoá, dịch vụ...) cho bất cứ ai, đem lại lợi ích, cứu nguy cho họ.

Luận về sự thì quý nhân là các việc tốt như: giúp đỡ, sự tiến dẫn, được ban tặng...

1.2. Quẻ Thanh long:

Ra đi vào giờ này dễ được người chiêu đãi. Gặp việc dở lại thành chuyện hay. Nếu cầu tài thì có lợi, cầu quan cũng nên. Việc làm cũng không gặp khó khăn. Đi đến nơi về đến chốn. Nếu bị bệnh trên đường không lo. Cửa mất có liên quan đến phụ nữ, của giấu ở phương Đông, tìm ngay thì thấy.

Về tính chất sao Thanh long: cát tinh. Luận về người thì Thanh long là dạng quan văn, một nhà văn, nhà nghiên cứu, nhà khoa học, người trí thức, người tử tế, thanh lịch.

Luận về sự thì Thanh long là ăn uống, tin vui, công văn có tin mừng, là tiền bạc, là thuyền, tàu thủy, là xe cộ. Thanh long cũng là ý chỉ mưa.

1.3. Quẻ Lục hợp:

Quẻ này còn có tên gọi là Thiên hợp, nếu ra đi giờ này đắc ý, mọi việc hoà hợp. Nếu ra đi vì chuyện hôn nhân hay gặp gỡ người yêu thì toại nguyện. Nếu là đi cầu tài thì có lợi. Việc quan cũng hay. Đi tìm người thấy người. Cửa mất tìm được.

Duy việc kiện tụng, ốm đau ra đi gặp giờ này thì không hay, nếu bị bệnh trên đường thì bệnh không lui. Đi kiện cáo thêm lời thối rác rồi.

Về tính chất sao Lục hợp: là một cát tướng. Luận về người, đó là bạn bè, con cái; về vật là nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn.

Luận về sự: đó là những việc có tính chất kết tụ, như kết quả, như một tổng kết nào đó..., là sự trao đổi về ý tưởng hay ý kiến, một cuộc họp, sự kết giao, trai gái gặp nhau..., hoặc những việc vui mừng, liên hoan, tiền tài, lợi lộc. Về thiên văn: đó là việc ứng về mưa.

1.4. Quả Câu trần:

Ra đi dễ gặp kẻ gian, nếu cầu cạnh việc gì thì không được tốt. Nếu hành động thì dễ mắc sai lầm. Nếu cầu công danh thì không thành. Nếu cầu tài thì không được, có được thì cũng không lợi. Đi bàn chuyện hôn nhân không hợp, nếu đi hẹn gặp người yêu thì cũng chẳng ra sao. Đi tìm người thì không gặp. Đi săn không may. Nếu đau yếu thì thêm nặng. Mất của đi tìm không thấy, nếu đi mà đánh mất của: của sẽ ở phương Tây Bắc.

Về tính chất sao Câu trần: là một hung tướng. Luận về người thì Câu trần là người quen cũ, là người đi theo nghiệp binh như: chiến sỹ, cảnh sát, công an, sĩ quan, quan chức.

Luận về sự thì Câu trần là những việc nhận phong chức tước, nhậm chức, cuộc tụ họp đông người, cuộc họp, cuộc mít tinh, cuộc biểu tình, sự huyền não, rối loạn..., nghĩa là những việc tranh đấu, việc tranh đấu liên quan đến cái cũ.

1.5. Quả Đằng sà:

Ra đi gặp sự không hay. Nếu đi làm việc đang lành thành việc dở. Nếu đi vì việc quan sự thì không thành. Đi câu tài rơi vào thế bất lợi. Đi vì chuyện hôn nhân thì không giải quyết được gì, nếu đi chơi với người yêu sẽ gặp rắc rối. Săn bắn gặp xui xẻo. Nếu bị bệnh thì bệnh thêm nặng. Nếu đi đánh mất của, liên quan đến nam nhân, của mất ở phương Tây Bắc.

Về tính chất sao Đằng sà: là một hung tướng. Luận về người là người hẹp hòi, có tính đố kỵ, có tâm địa độc ác, hay hiểm thù. Luận về sự thì Đằng sà là các vụ gây tranh cãi, sự kinh hãi, bệnh hoạn, quái đản, sự nguy nan, sự có máu lửa, sự bất thành, sự hao tán.

1.6. Quả Châu tước:

Ra đi gặp nhiều khó khăn, trước dù có giải quyết được nhưng sau cũng không thành. Nếu có cạnh tranh, mình bị thất bại. Câu tài không lợi. Yếu đau thêm nặng. Của mất liên quan đến nữ nhân, tìm khó thấy.

Về tính chất sao Châu tước: là một hung tướng. Luận về người thì Châu tước biểu thị là

người chạy giấy tờ, làm dịch vụ mang hàng đi đến, người đưa tin, làm văn phòng, thư ký, tuý phái, người đưa thư, người xử lý thông tin, cán bộ thông tin...

Luận về sự là những việc có liên quan đến công văn giấy tờ, văn thư, các văn bản và các quyết định, giấy triệu tập, việc không thật, một vụ thừa kiện, có khẩu thiệt, miệng tiếng, là máu lửa. Về thiên văn là gió.

1.7. Quẻ Bạch hổ:

Ra đi sẽ gặp ăn uống. Công việc gặp vui. Quan sự hay. Cầu tài có lợi. Đi tìm người, người về. Làm ăn có lợi. đi bàn chuyện hôn nhân có sự hoà hợp. ốm nặng sẽ qua. Cửa mất liên quan đến nữ nhân đi tìm sẽ thấy.

Về tính chất sao Bạch hổ: là một đại hung tướng. Luận về người thì đó là người có uy quyền, có vũ khí (hay đang mang vũ khí), người hung dữ, lỗ mãng, người thích sát phạt, thích đao to búa lớn; là người ở nơi khác đến hay đang đi trên đường.

Luận về sự thì Bạch hổ là việc tang chế, sự chết chóc, là tật bệnh, sự hung đồ, sự chém giết, là ngục tù, máu lửa, sự tranh đấu, sự huyền não, là tin tức, sự đi đường, việc quan tụng. Về thiên văn Bạch hổ ứng với gió bão.

1.8. Quẻ Thái thường:

Ra đi gặp vui vẻ, gặp việc tốt lành. Cầu quan làm nên. Cầu tài có lợi. Đi bàn chuyện hôn nhân hoà hợp. Nhà cửa bình an. Tìm người thấy người. Đi đón người đi xa, người về, ốm đau sẽ qua. Cửa mắt có liên quan đến nữ nhân, tìm sẽ thấy.

Về tính chất sao Thái thường: là một đại cát tướng. Luận về người thì Thái thường biểu thị là vị quan chức nghề võ, là sỹ quan, là võ sư, người sang trọng, người giàu có. Luận về sự thì Thái thường là việc tế lễ, ăn uống, tiệc tùng, quần áo, ăn mặc, vải vóc, ngũ cốc, tiền của, quan chức nhà nước, quyết định đề bạt, sự tặng thưởng.

1.9. Quẻ Thái âm:

Ra đi có lợi, gặp đỡ biến thành hay. Việc quan sự thành. Hôn nhân hợp. Người đi chắc về. Làm ăn có lợi. Bệnh tật không lo. Mất của liên quan đến nam nhân, của mất phương Tây, chịu tìm sẽ thấy.

Về tính chất sao Thái âm: là một thiên tướng vừa tốt lại vừa xấu (nửa tốt nửa xấu). Luận về người thì Thái âm là phụ nữ, vợ lẽ, người tình.

Luận về sự thì Thái âm là những việc bị che dấu, mờ ám, là mưu kế, sự trể nải, là tiền bạc, là vàng, là sắt, là hôn nhân. Thái âm cũng chỉ

những việc không bền lâu, việc có tính tạm thời (có thể việc tốt hoặc việc xấu, nhưng chỉ tạm thời tốt hay tạm thời xấu mà thôi).

1.10. Quẻ Thiên không:

Ra đi có thể gặp đại hung. Việc quan sự tính không xong. Cầu tài không lợi. Hôn nhân không thành. Tìm người không gặp. Yếu đau bệnh nặng. Cửa mất ở phương Tây, chịu tìm sẽ thấy.

Về tính chất sao Thiên không: là một hung tướng. Luận về người thì Thiên không biểu thị hạng tiểu nhân, giả dối, hèn hạ, bậc tôi tớ.

Luận về sự thì Thiên không là những việc lừa dối, việc có rồi hoá không, sự trống rỗng, sự không gặp gỡ, sự hao tài, hoặc những việc có liên quan tới người giúp việc, người thấp kém. Thiên không ứng với việc không mưa không nắng.

1.11. Quẻ Huyền vũ:

Ra đi có thể gặp xấu, muôn việc không thành. Cầu việc quan sự không nên. Cầu tài bất lợi. Hôn nhân không hợp. Người đi không về. Yếu đau bệnh nặng. Cửa mất liên quan đến nữ nhân, chịu tìm thời thấy.

Về tính chất sao Huyền vũ: là một hung tướng. Luận về người, Huyền vũ là bọn giặc, bọn cướp, bọn trộm cắp, lưu manh, là loại người thông minh nhưng gian trá, người linh lợi nhưng mưu trí, người mưu hiểm, người có tài nghệ.

Luận về sự thi Huyền vũ là sự trộm cướp, sự thất lạc, sự hao tài, sự sai hẹn, sự trốn mất, sự tránh mặt, sự cầu cạnh, sự không minh bạch. Huyền vũ cũng ứng với mưa (có mưa).

1.12. Quẻ Thiên hậu:

Ra đi gặp quý nhân, có thể gặp ăn uống. Có sự mừng vui. Việc quan sự thành. Tìm người gặp người. Cầu tài có lợi. Cầu hôn thành. Việc làm có lợi. ốm đau sẽ khỏi. Cửa mất liên quan đến nam nhân, tìm ngày thì thấy, để lâu sẽ mất.

Về tính chất sao Thiên hậu: là một cát tướng. Luận người thì Thiên hậu là nữ nhân, vợ quan chức cấp cao, mệnh phụ phu nhân, người phục vụ là nữ.

Luận về sự là những việc có liên quan đến phụ nữ, đến hôn nhân, là sự ban thưởng, sự ân xá, là thai sản, sự vui mừng, sự dâm dật, sự ăn uống. Thiên hậu cũng ứng về mưa nhưng mưa nhỏ.

Sau đây là một số ví dụ:

Ví dụ 1: ngày Thìn giờ Ngọ ra đi có việc về kinh doanh.

Ngày Thìn giờ Ngọ là gặp sao Câu trăn. Theo mục 1.4 trên đây, ta có thể tiên đoán sự việc như sau:

- Người ta gặp để bàn việc là người quen cũ có thời làm binh nghiệp (bộ đội xuất ngũ), hoặc là người rất năng động.

- Việc làm ăn có được hay không còn thuộc vào bản thân mình.

- Câu chuyện hôm nay còn bỏ ngỏ, chưa đi đến kết quả cuối cùng. Việc còn phải gập gỡ và bàn bạc lại nhiều lần mới xong.

- Nếu vì lý do nào đó phải chi tiền trước cho công việc thì việc chi tiêu này cũng không đem lại kết quả gì, coi như vô nghĩa.

Ví dụ 2: Ngày Hợi giờ Thìn đi bàn về chuyện hôn nhân.

Ngày Hợi giờ Thìn nếu đi bàn chuyện hôn nhân là vào quẻ Thái âm. Theo tính chất của sao Thái âm, người ta gặp để bàn việc hôn nhân là phụ nữ (có thể mẹ cô gái).

- Câu chuyện giữa hai bên hoà thuận, lúc đầu có những sự không nhất trí với nhau song qua đó lại thông cảm cho nhau và hiểu nhau tốt lên.

- Có nhiều điều mỗi bên muốn bày tỏ ý kiến riêng của mình nhưng trong cuộc gặp mặt này lại không nói ra.

- Trong cuộc gặp này có bàn đến vấn đề tiền bạc hay vàng gì đó.

- Câu chuyện bàn về hôn nhân hôm nay còn dở dang, đôi bên vẫn chưa có sự hiểu nhau tận tường.

Ví dụ 3: ngày Mão ra đi bàn về việc tuyển người giúp việc, xem đồng hồ lúc đó là 8h 10 phút. Xem tình hình công việc ra sao?

Ta luận giải như sau:

Thời gian 8h10 còn là giờ Thìn, ta xem ngày Mão giờ Thìn có sao Đằng sà, từ sao này ta luận như sau:

- Người ta gặp đề bàn bạc là người không dễ tính, hẹp hòi. Trong quá trình bàn luận có tranh luận gay gắt.

- Việc tuyển người hôm nay không đi đến kết quả gì.

Để tính toán nhanh tính chất từng giờ để xuất hành, hãy xem bảng sau:

Bảng tính giờ xuất hành theo ngày địa chi và các sao tương ứng:

NGÀY	GIỜ	QUÊ - SAO	NGÀY	GIỜ	QUÊ - SAO
Tý	Tý	Câu trăn	Sửu	Tý	Lục hợp
	Sửu	đằng sà		Sửu	Câu trăn
	Dần	Châu tước		Dần	đằng sà
	Mão	Bạch hổ		Mão	Châu tước
	Thìn	Thái thường		Thìn	Bạch hổ
	Ty	Thái âm		Ty	Thái thường
	Ngọ	Thiên không		Ngọ	Thái âm
	Mùi	Huyền vũ		Mùi	Thiên không
	Thân	Thiên hậu		Thân	Huyền vũ
	Dậu	Quý nhân		Dậu	Thiên hậu
	Tuất	Thanh long		Tuất	Quý nhân
	Hợi	Lục hợp		Hợi	Thanh long

NGÀY	GIỜ	QUÊ - SAO	NGÀY	GIỜ	QUÊ - SAO
Dần	Tý	Thanh long	Mão	Tý	Quý nhân
	Sửu	Lục hợp		Sửu	Thanh long
	Dần	Câu trần		Dần	Lục hợp
	Mão	Đằng sà		Mão	Câu trần
	Thìn	Châu tước		Thìn	Đằng sà
	Tỵ	Bạch hổ		Tỵ	Châu tước
	Ngọ	Thái thường		Ngọ	Bạch hổ
	Mùi	Thái âm		Mùi	Thái thường
	Thân	Thiên không		Thân	Thái âm
	Dậu	Huyền vũ		Dậu	Thiên không
	Tuất	Thiên hậu		Tuất	Huyền vũ
	Hợi	Quý nhân		Hợi	Thiên hậu
	NGÀY	GIỜ		QUÊ - SAO	NGÀY
Thìn	Tý	Thiên hậu	Tỵ	Tý	Huyền vũ
	Sửu	Quý nhân		Sửu	Thiên hậu
	Dần	Thanh long		Dần	Quý nhân
	Mão	Lục hợp		Mão	Thanh long
	Thìn	Câu trần		Thìn	Lục hợp
	Tỵ	Đằng sà		Tỵ	Câu trần
	Ngọ	Châu tước		Ngọ	Đằng sà
	Mùi	Bạch hổ		Mùi	Châu tước
	Thân	Thái thường		Thân	Bạch hổ
	Dậu	Thái âm		Dậu	Thái thường
	Tuất	Thiên không		Tuất	Thái âm
	Hợi	Huyền vũ		Hợi	Thiên không

NGÀY	GIỜ	QUẺ - SAO	NGÀY	GIỜ	QUẺ - SAO
Ngọ	Tý	Thiên không	Mùi	Tý	Thái âm
	Sửu	Huyền vũ		Sửu	Thiên không
	Dần	Thiên hậu		Dần	Huyền vũ
	Mão	Quý nhân		Mão	Thiên hậu
	Thìn	Thanh long		Thìn	Quý nhân
	Tỵ	Lục hợp		Tỵ	Thanh long
	Ngọ	Câu trăn		Ngọ	Lục hợp
	Mùi	đăng sà		Mùi	Câu trăn
	Thân	Châu tước		Thân	đăng sà
	Dậu	Bạch hổ		Dậu	Châu tước
	Tuất	Thái thường		Tuất	Bạch hổ
	Hợi	Thái âm		Hợi	Thái thường
NGÀY	GIỜ	QUẺ-SAO	NGÀY	GIỜ	QUẺ-SAO
Thân	Tý	Thái thường	Dậu	Tý	Bạch hổ
	Sửu	Thái âm		Sửu	Thái thường
	Dần	Thiên không		Dần	Thái âm
	Mão	Huyền vũ		Mão	Thiên không
	Thìn	Thiên hậu		Thìn	Huyền vũ
	Tỵ	Quý nhân		Tỵ	Thiên hậu
	Ngọ	Thanh long		Ngọ	Quý nhân
	Mùi	Lục hợp		Mùi	Thanh long
	Thân	Câu trăn		Thân	Lục hợp
	Dậu	Đăng sà		Dậu	Câu trăn
	Tuất	Châu tước		Tuất	Đăng sà
	Hợi	Bạch hổ		Hợi	Châu tước

NGÀY	GIỜ	QUẺ - SAO	NGÀY	GIỜ	QUẺ - SAO
Tuất	Tý	Châu tước	Hợi	Tý	Đằng sà
	Sửu	Bạch hổ		Sửu	Châu tước
	Dần	Thái thường		Dần	Bạch hổ
	Mão	Thái âm		Mão	Thái thường
	Thìn	Thiên không		Thìn	Thái âm
	Tỵ	Huyền vũ		Tỵ	Thiên không
	Ngọ	Thiên hậu		Ngọ	Huyền vũ
	Mùi	Quý nhân		Mùi	Thiên hậu
	Thân	Thanh long		Thân	Quý nhân
	Dậu	Lục hợp		Dậu	Thanh long
	Tuất	Câu trần		Tuất	Lục hợp
	Hợi	đằng sà		Hợi	Câu trần

Bảng rút gọn tra nhanh ngày và giờ xuất hành:

NGÀY	GIỜ VÀ SAO CỦA MỘT NGÀY ĐÊM											
	Tý	Sửu	Dần	Mao	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Tý	CTr	ĐS	CT	BH	TT	TA	TK	HV	Tha	QN	TL	LH
Sửu	LH	CTr	ĐS	CT	BH	TT	TA	TK	HV	Thá	QN	TL
Dần	TL	LH	CTr	ĐS	CT	BH	TT	TA	TK	HV	Thá	QN
Mão	QN	TL	LH	CTr	ĐS	CT	BH	TT	TA	TK	HV	Thá
Thìn	TH	QN	TL	LH	CTr	ĐS	CT	BH	TT	TA	TK	HV
Tỵ	HV	Thá	QN	TL	LH	CTr	ĐS	CT	BH	TT	TA	TK
Ngọ	TK	HV	Thá	QN	TL	LH	CTr	ĐS	CT	BH	TT	TA
Mùi	TA	TK	HV	Thá	QN	TL	LH	CTr	ĐS	CT	BH	TT
Thân	TT	TA	TK	HV	Thá	QN	TL	LH	CTr	ĐS	CT	BH
Dậu	BH	TT	TA	TK	HV	Thá	QN	TL	LH	CTr	ĐS	CT
Tuất	CT	BH	TT	TA	TK	HV	Thá	QN	TL	LH	CTr	ĐS
Hợi	ĐS	CT	BH	TT	TA	TK	HV	Thá	QN	TL	LH	CTr

Ghi chú: TL: Thanh long. TT: Thái thường.
QN: Quý nhân. BH: Bạch hổ.
Tha: Thiên hậu. CT: Châu tước.
HV: Huyền vũ. Đs: Đàng sà.
TK: Thiên không. Ctr: Câu trần.
TA: Thái âm. LH: Lục hợp.

V. BÁT MÔN TIỂU ĐỘN

Đây là phép độn chọn ngày cho xuất hành theo 8 cửa: Hưu, Sinh, Thương, Đổ, Cảnh, Tử, Kinh, Khai. Khác với Bát môn độn pháp nói trên, phép độn này đối chiếu ngày số độn được ứng với ngày Can Chi, như:

- Ngày: Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Mậu Tý, Kỷ Sửu, Canh Dần, Nhâm Tý, Quý Sửu, Giáp Dần: vào đúng cửa Hưu-Khảm là xuất hành tốt (1).

Gặp cửa Hưu: ra đi kinh doanh, cầu tài đều tốt, mọi việc như ý.

- Ngày: Nhâm Ngọ, Quý Mùi, Giáp Thân, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân vào đúng cửa Cấn-Sinh, nếu xuất hành đi xa rất tốt (2).

Gặp cửa Sinh: đi đến nơi về đến chốn, đi nhanh, nếu là việc binh thì thắng, buôn bán kinh doanh có lãi lớn.

- Ngày: Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Thân: nếu vào đúng cửa Thương tại cung Chấn thì xuất hành đi xa không lợi (3).

Gặp cửa Thương: ra đi dễ bị tật bệnh bất ngờ, nhiều việc không thuận, hay gặp cản trở.

- Ngày: Quý Dậu, Giáp Tuất, Ất Hợi, Tân Dậu, Nhâm Tuất, Quý Hợi, Đinh Dậu, Mậu Tuất, Kỷ Hợi: nếu rơi vào cửa Tốn-Đổ mà xuất hành đi xa thì rất xấu (4).

Gặp cửa Đổ: ra đi cần phòng mọi việc, nhiều việc khi thực hiện bị dở dang.

- Ngày: Ất Dậu, Bính Tuất, Đinh Hợi, Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi: nếu rơi đúng cửa Cảnh-Ly xuất hành xấu (5).

Gặp cửa Cảnh: ra đi giải quyết công việc lúc được lúc không, nhiều việc không như ý, phải phòng nhiều m ặt.

- Ngày: Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Ty, Ất Mão, Bính Thìn, Đinh Ty, Tân Mão, Nhâm Thìn, Quý Ty, nếu rơi đúng vào Tử -Khôn xuất hành đi xa rất xấu (6).

Gặp cửa Tử: người xưa nói; “tật bệnh tai bay, trăm việc đều xấu, di rày gặp hung”, nói chung lúc đó ra đi thì rất không hay.

- Ngày: Kỷ Mão, Canh Thìn, Tân Ty, Quý Mão, Giáp Thìn, Ất Ty, nếu rơi đúng vào cửa Kinh-Đoài xuất hành đi xa xấu (7).

Gặp cửa Kinh: nếu xuất hành đi, việc kinh doanh sẽ thua thiệt, dễ gặp điều hung.

- Ngày: Đinh Sửu, Mậu Dần, Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, nếu rơi đúng vào cửa

Khai-Càn, nếu xuất hành đi xa sẽ may mắn, mọi điều tốt (8).

Gặp cửa Khai: xuất hành đi giải quyết mọi công việc nói chung là tốt, kinh doanh buôn bán có lợi, nhiều việc như ý.

Tốn Đổ T. Ba-Tư	Ly Cảnh T. Năm	Khôn Tủ T. Sáu-Bảy
Chấn Thương T. Hai		Đoài Kinh T. Tám
Cấn Sinh T. Giêng Chạp	Khảm Hưu T. Một	Càn Khai T. Chín-Mười

Ví dụ 1: xem ngày 15/8/Đinh Hợi (25/9/2007) xuất hành đi du lịch thế nào?

Ta làm như sau: từ cửa Kinh-Đoài là tháng 8 khởi ngày mồng 1, mồng 2 tại Càn-Khai, mồng 3 tại Khảm-Hưu..., tiếp tục như vậy ngày 15 sẽ ở cửa Cảnh-Ly. Ngày 15/8/Đinh Hợi là ngày Nhâm Tuất, theo mục (5) của Cảnh trên, không rơi vào các ngày kỵ vào cửa này, vậy việc

đi du lịch mọi việc sẽ bình thường, không xấu mà cũng không tốt.

Ví dụ 2: xem ngày 4/10/Đinh Hợi (13/11/2007) xuất hành đi giao dịch kinh doanh thế nào?

Ta làm như sau: từ cửa Khai tháng 10 khởi ngày mồng 1, vậy mồng 2 vào cửa Hưu, mồng 3 cửa Sinh, mồng 4 cửa Thương. Ngày 4/10 là ngày Tân Hợi, theo (3) các ngày vào cửa Thương không có ngày Tân Hợi, nên việc xuất hành đi giao dịch được, không tốt cũng không xấu.

THAY CHO LỜI KẾT

Người xưa nói: *“Một phân tinh thần là một phân sự nghiệp”*. Người có được tinh thần chỉ khi biết và kiên trì không mệt mỏi trong tu tâm dưỡng tính, tạo ra được tâm Không-Trong tinh tuyệt đối nơi mình. Khi ấy, cá nhân sẽ đồng thông với mọi thế giới xung quanh, với Vũ trụ, với nhân quần, cá nhân không còn quan tâm đến cái xấu, cái tốt đến với mình. Bởi lẽ cái Không nơi mình đã đưa mình đến những phân xét tuyệt đỉnh của tinh thần.

Lão Tử, một danh gia Trung Hoa cổ đại nói:

Tri nhân giả trí

Tự tri giả minh.

Những bậc minh trí từ xưa tới nay khi hành động luôn dựa vào sức mạnh tư duy và nhận thức của bản thân mình, những ý kiến

ngoài nơi mình chỉ là tham khảo. Đối với họ, để sống theo Chương trình-Mục tiêu, sự tiên đoán về tương lai chỉ là điều kiện cần mà họ tự làm lấy qua lô gic cuộc sống. Để có cơ sở hành động đúng như mục tiêu đã đề ra, họ không bao giờ tìm đến chỗ dựa bằng các môn đoán định về tương lai do người ngoài mang đến. Những bậc như vậy luôn thành công trên đường đời. Trong số đông những người như vậy, có người là vĩ nhân.

Do vậy, Đạo Dịch và các Thuật số như Quỷ Cốc tử độn pháp,... chỉ dành cho các bậc quân tử. Quân tử là người minh trí, ở bất cứ đâu và với bất cứ cương vị nào, làm bất cứ việc gì đều tốt.

MỤC LỤC

LỜI TỰA

ĐỘN TOÁN THẦN DIỆU

I. Phương pháp độn toán chọn ngày theo lục diệu	19
1. Lập địa bàn	20
2. Tìm ngày trên Địa bàn	21
3. Tính chất các ngày trong Lục diệu	23
II. Độn pháp của Gia Cát Lượng	25
1. Lịch sử cá nhân và những huyền thoại	25
2. Nguyên lý dự báo	36
3. Phương pháp độn quẻ hay xác định sự việc trong tương lai	38
4. Những tình huống xảy ra với các quẻ trong quá trình dự báo	40
III. Quỷ Cốc Tử Độn Pháp	52
1. Cách xác định thời gian cho đoán định:	59

2. Dự báo theo Tam Thân Tứ Tượng.	61
- Đấng minh lâm Tý	66
- Đấng Minh lâm Mão	67
- Đấng Minh lâm Ngọ	68
- Đấng Minh lâm Dậu	68
- Thân Hậu lâm Tý	69
- Thân Hậu lâm Mão	70
- Thân Hậu lâm Ngọ	70
- Thân Hậu lâm Dậu	71
- Đại cát lâm Tý	72
- Đại Cát lâm Mão	72
- Đại Cát lâm Ngọ	73
- Đại Cát lâm Dậu	73
3. Dự báo theo mệnh Trọng Quý	75
4. Một huyền thoại về sự linh nghiệm của phép độn Quý cốc	88
IV. Xuất hành theo độn quẻ tiên	97
1.1. Quẻ Quý nhân	99
1.2. Quẻ Thanh long	100
1.3. Quẻ Lục hợp	100

1.4. Quẻ Câu trần	101
1.5. Quẻ Đàng sà.....	102
1.6. Quẻ Châu tước	102
1.7. Quẻ Bạch hổ.....	103
1.8. Quẻ Thái thường.....	104
1.9. Quẻ Thái âm	104
1.10. Quẻ Thiên không	105
1.11. Quẻ Huyền vũ	105
1.12. Quẻ Thiên hậu	106
V. Bát môn tiểu động	112
Thay cho lời kết	115

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 - Trần Phú - P.Ba Đình - T.P Thanh Hóa

ĐT: (037) 852.281 - 853.548 - 720.399 - 722.347

Fax: (037). 853.548

E-mail: nxbthanhhoa@yahoo.com

ĐỘN TOÁN THẦN DIỆU

Chịu trách nhiệm xuất bản

BÙI CAO TIÊU

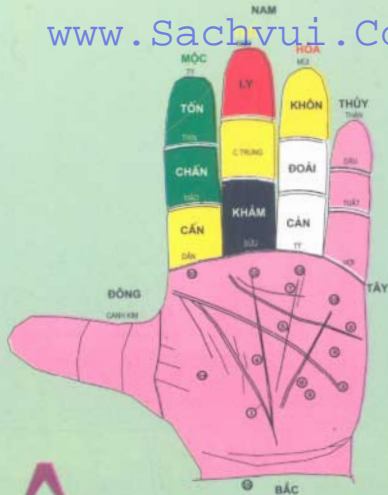
Biên tập:

BÙI TIẾN – VĂN CHINH

Trình bày bìa:

MINH NGUYỆT

In 1000 cuốn khổ 13 x 19cm. Tại Công ty cổ phần in 15. Đăng ký KHXB: số 48 - 2007/CXB/88 – 10/ThaH cấp ngày 17/1/2007. In xong nộp lưu chiểu quý I/2008.



ĐỘN TOÁN

THẦN DIỆU

- Phương pháp độن toán chọn ngày theo lục diệu
- Độн pháp của Gia Cát Lượng
- Quỷ cốc tử độн pháp
- Xuất hành theo độн quẻ tiên
- Bát môn tiểu độн

